|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**  **ĐỀ THI CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **MÔN THI**: **ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 180 phút* |

**Câu I. (4,0 điểm)**

1. Trình bày nguyên nhân, hậu quả và giải pháp về vấn đề suy giảm tầng ô zôn. Hiện nay các nước phát triển gặp những khó khăn gì về mặt kinh tế xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?
2. Phân tích những thế mạnh để phát triển cây công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Để gia tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu các nước Đông Nam Á cần có biện pháp gì?

**Câu II. (4,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước ta. Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế có ý nghĩa như thế nào?
2. Phân tích đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam. Đặc điểm đó có tác động như thế nào đến sự phân hóa khí hậu của vùng?

**Câu III. (4,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất của đai nhiệt đới gió mùa chân núi của nước ta. Tại sao ở miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa chân núi lại có độ cao thấp hơn miền Nam.
2. Nêu nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta. Tại sao đồng bằng sông Hồng là vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất cả nước?

**Câu IV. (4,0 điểm)**

1. Cho bảng số liệu: **NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình tháng 1(0 C)** | **Nhiệt độ trung bình tháng 7(0 C)** |
| Lạng Sơn | 13,3 | 27,0 |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 |
| Vinh | 19,7 | 29,4 |
| Huế | 21,3 | 29,1 |
| Quy Nhơn | 23,0 | 29,7 |
| TP Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 |

Nhận xét về sự tahy đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam. Giải thích nguyên nhân?

1. Phân tích sự phân bố dân cư nước ta theo lãnh thổ. Hãy cho biết những vấn đề đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở nước ta.

**Câu V. (4,0 điểm)**Cho bảng số kiệu sau:

LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ 2016 *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2016** |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 24351,5 | 22333,9 |
| Công nghiệp – xây dựng | 7785,3 | 13165,8 |
| Dịch vụ | 10405,9 | 17803,1 |
| Tổng số | 42542,7 | 53302,8 |

*(Nguồn” Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Tổng cục thống kê)*

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện quy mô, cơ cấu lao đông phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và 2016
2. Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao đông phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2005 - 201

|  |
| --- |
| **ĐÁP ÁN** |
| **I.1.Trình bày nguyên nhân, hậu quả và giải pháp về vấn đề suy giảm tầng ô dôn. Hiện nay các nước đang phát triển gặp những khó khăn gì về mặt kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề về môi trường?** |
| **\*Suy giảm tầng ô dôn.**  **-** Nguyên nhân:  + Hoạt động công nghiệp và sinh hoạt đã đưa vào khí quyển một lượng lớn khí thải.  + Sự gia tăng khí CFCs làm tầng ô dôn ngày càng mỏng dần và gây ra lỗ thủng.   * Hậu quả:   + Ảnh hưởng tới sức khỏe con người (gây ra các bệnh về da và mắt).  + Ảnh hưởng tới mùa màng, sinh vật.   * Biện pháp:   + Cắt giảm lượng khí CFCs trong sản xuất và sinh hoạt.  + Đổi mới công nghệ sản xuất, hạn chế dùng các loại bình xịt, bao bì bằng nhựa, xốp,...  **\*Các nước đang phát triển gặp những khó khăn:**  - Nền kinh tế còn chậm phát triển do thiếu vốn, thiếu khoa học kĩ thuật, chưa có kinh nghiệm và chưa chú trọng các vấn đề môi trường.  - Gánh nặng nợ nước ngoài, bùng nổ dân số vẫn còn tiếp diễn. Nhiều thiên tai, dịch bệnh. |
| **2.Phân tích những thế mạnh để phát triển cây công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Để gia tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu các nước Đông Nam Á cần có biện pháp gì?** |
| **\*Thế mạnh phát triển cây công nghiệp.**  - Điều kiện tự nhiên:  + Đất trồng có nhiều loại: đất feralit, đất ba dan màu mỡ thích hợp trồng các cây công nghiệp lâu năm.  + Khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo gió mùa và xích đạo với nguồn nhiệt ẩm cao.  + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc tưới tiêu.   * Kinh tế xã hội:   + Nguồn lao động dồi dào có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.  + Thị trường ngày càng được mở rộng, công nghiệp chế biến ngày càng phát triển.  **\*Biện pháp gia tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu.**  **-** Tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất.  **-** Nâng cao công nghệ chế biến, hướng tới không xuất khẩu các sản phẩm thô như hiện nay.  **-** Tăng cường các hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. |
| **II.1.Trình bày vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của nước ta. Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế có ý nghĩa như thế nào?** |
| **\*Vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của nước ta“**  **-** Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng tiếp giáp với lãnh hải, hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác vẫn có quyền: tự do hàng hải; tự do đặt dây cáp, ống dẫn dầu đi qua.  - Thềm lục địa: là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài. Giới hạn của thềm lục địa là rìa ngoài của lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí tài nguyên.  **\*Ý nghĩa của việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế.**  + Giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.  + Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho nhân dân (nhất là ở các huyện đảo).  + Khẳng định chủ quyền biển đảo nước ta.  + Góp phần giữ vững an ninh vùng biển tổ quốc |
| **2.Phân tích đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam. Đặc điểm đó tác động như thế nào đến sự phân hóa khí hậu của vùng?**  **\*Đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam:**  - Giới hạn: phía nam dãy Bạch Mã đến vĩ tuyến 11oB.  - Gồm các khối núi và cao nguyên.  - Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ.  Địa hình núi với những đỉnh cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông, sườn dốc chênh vênh bên dài đồng bằng hẹp ven biển.  -Tương phản với địa hình núi ở phía đông là các bề mặt cao nguyên badan Plây Ku, Đắk Lawsk, Mơ Nông, Di Linh tương đối bằng phẳng, có các độ cao khoảng 500 – 800 – 1000m, các bán bình nguyên xen đồi ở phía tây. Tạo nên sự bất đối xứng rõ rệt giữa sườn Đông và sườn Tây.  **\*Địa hình tác động đến sự phân hóa khí hậu:**  - Tạo nên sự phân hóa khí hậu theo độ cao: phân hóa thành 2 đai.  + Đai nhiệt đới gió mùa: dưới 900 – 1000m, nền nhiệt cao, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi theo tùy từng nơi.  + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: từ 900 – 1000m đến 2600m, khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25oC, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng.  Địa hình kết hợp với gió mùa tạo nên sự phân hóa khí hậu theo chiều Đông – Tây: giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ (dc). |
| **III.1.Trình bày đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất của đai nhiệt đới gió mùa chân núi của nước ta. Tại sao ở miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa chân núi lại có độ cao thấp hơn ở miền Nam.** |
| **\*Đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất của đai nhiệt đới gió mùa chân núi:**  - Miền Bắc: dưới 600 -700m, miền Nam: dưới 900 -1000m.  - Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt; mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi từ khô đến ẩm ướt.  - Đất phù sa chiếm 24% diện tích cả nước, gồm đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn, đất cát, ... Đất feralit vùng đồi núi thấp chiếm > 60% diện tích cả nước, phần lớn đất badan và đất đá vôi.  - Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh ở vùng núi thấp mưa nhiều, ẩm ướt, mặn, rừng tràm trên đất phèn, xa van, cây bụi gao).  **\*Miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa chân núi lại có độ cao thấp hơn ở miền Nam:**  - Miền Bắc (gần chí tuyến) lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc nên nền nhiệt độ thấp, tính chất nhiệt đới chấm dứt ở độ cao 600m – 700m.  - Miền Nam gần xích đạo, không bị ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nền nhiệt cao, vì vậy đến độ cao 900m – 1000m tính chất nhiệt đới mới chấm dứt. |
| **2.Nêu nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta. Tại sao đồng bằng sông Hồng là vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất nước ta?** |
| **\*Ngập lụt**  - Nguyên nhân  + Mưa lớn, mặt đất thấp, có đê sông đê biển bao bọc, mật độ xây dựng cao.  + Mưa bão, nước biển dâng, lũ nguồn và triều cường.   * Hậu quả: thiệt hại lớn về người và tài sản, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. * Biện pháp: Xây dựng các công trình tiêu nước, công trình ngăn mặn và triều cường.   **\*Đồng bằng sông Hồng là vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất nước ta.**  - Lưu vực rộng, lượng mưa lớn, do sông có dạng nan quạt nên lũ tập trung về dòng chính rất nhanh.  - Rừng đầu nguồn bị chặt phá làm giảm khả năng giữ nước  - Địa hình thấp, xung quanh có đê sông, đê biển bao bọc, chỉ có ba cửa sông đổ ra biển.  - Mức độ đô thị hóa cao, nhiều công trình xây dựng cản trở việc thoát nước. |
| **IV.1.Hãy nhận xét về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam. Giải thích nguyên nhân?** |
| **\*Nhận xét:**  - Nhiệt độ trung bình năm, tháng 1 đều tăng từ Bắc vào Nam, trong đó tháng 1 tăng rất nhanh, sự chênh lệch nhiệt độ khá lớn (Lạng Sơn và TP. Hồ Chí Minh là 12,5o).  - Nhiệt độ trung bình tháng 7: ít thay đổi từ Bắc vào Nam, nhiệt độ trung bình của Vinh cao hơn Huế và của Quy Nhơn cao hơn TP. Hồ Chí Minh. Sự chênh lệch nhiệt độ rất ít (Lạng Sơn và TP.HCM chỉ là 1,3o).  + Biên độ nhiệt lại giảm dần từ bắc vào nam (Lạng Sơn là 13,7o nhưng TP. HCM chỉ là 1,3o).  **\*Giải thích:**  **-** Càng vào Nam càng gần xích đạo, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng lớn, nên nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc cũng yếu dần khi vào đến Huế, thời tiết chỉ còn se lạnh, vào đến phía Nam thì hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.  - Tháng 1 có sự chênh lệch nhiệt độ lớn từ Bắc vào Nam vì đây là thời kì hoạt động mạnh của gió mùa đông bắc ở phía Bắc.  - Tháng 7 do hoạt động của gió mùa mùa hè nên sự chênh lệch nhiệt ít. Huế và TP. Hồ Chí Minh do có lượng mưa nhiều nên nhiệt độ thấp hơn so với Vinh và Quy Nhơn.  - Biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam là do ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc yếu dần và khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh càng cách xa nhau. |
| **2.Phân tích sự phân bố dân cư nước ta theo lãnh thổ. Hãy cho biết những vấn đề cần đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở nước ta.** |
| **\*Phân tích sự phân bố dân cư:**  - Mật độ dân số trung bình năm 2006: 254 người/km2, nhưng phân bố chưa hợp lí giữa các vùng  - Chưa hợp lí giữa đồng bằng với trung du, miền núi (dc)  - Ngay trong nội bộ giữa các vùng (đồng bằng, trung du, miền núi) cũng có sự chênh lệch khá lớn. (dc)  - Chưa hợp lí giữa thành thị với nông thôn (dc)  **\*Những vấn đề cần đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở nước ta:**  - Chú ý phát triển mạng lưới đô thị lớn vì nó là trung tâm, hạt nhân phát triển của vùng. Đẩy mạnh đô thị hóa nông thôn.  - Đảm bảo sự cân đối giữa tốc độ, quy mô dân số, lao động với sự phát triển kinh tế xã hội của các đô thị.  - Có kế hoạch phát triển cân đối giữa kinh tế - xã hội với kết cấu hạ tầng đô thị.  - Quy hoạch hoàn chỉnh, đồng bộ đô thị để đảm bảo môi trường sống chất lượng hơn. |
| **V.1.Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô, cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và 2016** |
| **\*Xử lí số liệu:**  **-** Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2005 và năm 2016 (Đơn vị %)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2016** | | Nông lâm ngư nghiệp | 57,2 | 41,9 | | Công nghiệp – Xây dựng | 18,3 | 24,7 | | Dịch vụ | 24,5 | 33,4 | | Tổng số | 100,0 | 100,0 |  * Tính bán kính:   Coi R2005 = 1 đvbk   * R2016 = 1 x = 1 x = 1,12 đvbk   **\*Vẽ biểu đồ:**  - Vẽ biểu đồ tròn (các dạng khác không cho điểm)  - Yêu cầu:  + Hình tròn năm 2016 lớn hơn 2005  + Có kí hiệu, chú giải, ghi số liệu, tên biểu đồ.  (Nếu thiếu hoặc không đảm bảo các yêú tố trừ 0,25 điểm/ yếu tố) |
| **2.Nhận xét và giải thích:** |
| \*Nhận xét:  - Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế: nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất, tiếp đến là khu vực dịch vụ, thấp nhất là khu vực công nghiệp và xây dựng.  - Trong giai đoạn 2005 – 2016, cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế của nước ta theo sự chuyển dịch:  + Tỉ trọng lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm (dc)  + Tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp – xây dựng tăng chậm (dc)  + Tỉ trọng lao động trong khu vực dịch vụ tăng (dc)  ->Sự chuyển dịch trên là tích cực nhưng còn chậm.  \* Giải thích:  - Lao động trong ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất vì nước ta vẫn là nước đang phát triển, trình độ giới hóa thấp.  - Do nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại.  - Phù hợp với xu hướng chuyển dịch lao động của thế giới. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯNG YÊN**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT CẤP TỈNH**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **MÔN THI**: **ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề* |
|  |  |

**Câu I (3,5đ)**

1.Trình bày vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp dệt may trên thế giới.

2.Liên hệ tình hình phát triển ngành công nghiệp dệt may tại địa phương.

**Câu II (3,5đ)**

1.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam (trang Khí hậu – phần khí hậu chung), nhận xét về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt, Nha Trang.

2.Giải thích sự khác biệt về chế độ mưa của hai địa điểm nói trên.

**Câu III (3,5đ)**

1.Gió mùa là gì? Nêu hoạt động của gió mùa mùa đông nước ta.

2.Gió mùa mùa đông có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu và hoạt động sản xuất nông nghiệp Việt Nam?

**Câu IV (3,5đ)**

1.Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện như thế nào ở thành phần sinh vật?

2.Tại sao sinh vật ở nước ta có sự phân hóa theo độ cao?

**Câu V (6,0đ)**Cho bảng số liệu sau: Tổng số dân và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 2006 – 2013

1.Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tổng dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta giai đoạn 2006 – 2013.Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét.

2. Nhận xét và giải thích nguyên nhân thay đổi cơ cấu dân số theo giới ở nước ta giai đoạn 2006 – 2013.

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **I.1.Trình bày vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp dệt may trên thế giới.** |
| * Vai trò:   + Là một trong những ngành chủ đạo và quan trọng của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  + Giải quyết nhu cầu về may mặc, sinh hoạt cho người dân và một phần nguyên liệu cho các ngành công nghiệp nặng.  + Thúc đẩy nông nghiệp và các ngành công nghiệp nặng.  + Giải quyết việc làm cho lao động, nhất là lao động nữ.  - Phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển. Các nước phát triển mạnh là Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kì, Nhật Bản.  - Phát triển dựa trên nguồn nguyên liệu tự nhiên và nhân tạo phong phú nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn. |
| **2.Liên hệ tình hình phát triển ngành công nghiệp dệt may tại địa phương.** |
| * Ngành CN dệt may đang có sự phát triển mạnh tại địa phương.   🡪 HS kể tên một số nhà máy tại địa phương.   * Phân bố rộng khắp tại các huyện, thành phố. * Góp phần quan trọng giải quyết việc làm và nâng cao mức sống. * Gần đây có xu hướng phát triển mạnh tại các khu vực nông thôn. * Sản phẩm đa dạng, đáp ứng các nhu cầu xuất khẩu và trong nước |
| **II.1.Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam (trang Khí hậu – phần khí hậu chung), nhận xét về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt, Nha Trang.** |
| **Đà Lạt**   * Chế độ nhiệt:   + Không có sự phân mùa rõ rệt, nhiệt độ trong bình các tháng hầu hết <20o.  + Biên độ nhiệt trong năm nhỏ.   * Chế độ mưa có sự phân mùa rõ rệt.   + Mùa mưa: từ tháng 4 đến tháng 10  + Mùa khô: từ tháng 11 đến tháng 3.  **Nhà Trang**   * Chế độ nhiệt:   + Nhiệt độ trung bình năm cao, hầu hết các tháng đều >25oC.  + Biên độ nhiệt trung bình năm không lớn.   * Chế độ mưa có sự phân mùa sâu sắc   + Mùa mưa: từ tháng 9 đến hết tháng 12, lượng mưa tập trung.  + Mùa khô: từ tháng 1 đến tháng 8, lượng mưa ít. |
| **2.Giải thích sự khác biệt về chế độ mưa của hai địa điểm nói trên.** |
| * Vị trí địa lí của Đà Lạt nằm ở Tây Trường Sơn, Nha Trang nằm ở Đông Trường Sơn. Độ cao địa hình khác nhau. * Do tác động của gió mùa: Đà Lạt mưa chủ yếu do gió mùa Tây Nam (mùa hạ), Nha Trang mưa chủ yếu do gió Tín Phong, Đông Bắc và gió mùa Đông Bắc (thu đông) |
| **III.1.Gió mùa là gì? Nêu hoạt động của gió mùa mùa đông ở nước ta.** |
| **Gió mùa:** là gió thổi theo mùa, hướng gió ở hai mùa có chiều ngược lại nhau.  **Hoạt động của gió mùa mùa đông ở nước ta:**   * Thời gian: Từ tháng XI đến tháng IV năm sau. * Thổi thành từng đợt theo hướng đông bắc. * Phạm vi:   + Ảnh hưởng trực tiếp ở phía Bắc dãy Bạch Mã, cường độ giảm dần theo vĩ độ.  + Từ dãy Bạch Mã vào Nam, ảnh hưởng của gió mùa đông bắc không rõ rệt. |
| **2.Gió mùa mùa đông có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu và hoạt động sản xuất nông nghiệp Việt Nam?** |
| **Ảnh hưởng đến khí hậu:**   * Tạo nên một mùa đông lạnh ở miền Bắc, nền nhiệt hạ thấp.   + Đầu mùa: thời tiết lạnh khô.  + Nửa sau mùa đông: lạnh ẩm, mưa phùn.   * Gió mùa mùa đông kết hợp với gió Tín Phong bán cầu Bắc tạo nên mùa mưa muộn vào thu đông cho Duyên hải miền Trung.   **Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp:**   * Thuận lợi:   + Đa dạng hóa nông nghiệp: sản phẩm nông nghiệp cận nhiệt và ôn đới.  + Lượng mưa ẩm trong mùa đông giúp phát triển cây trồng.   * Khó khăn:   + Tạo nên tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp.  + Các hiện tượng thời tiết cực đoan (sương muối, băng giá, ...) |
| **IV.1.Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện như thế nào ở thành phần sinh vật?** |
| * Đai nhiệt đới gió mùa: gồm các hệ sinh thái nhiệt đới:   + Hệ sinh thái rùng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.  + Các hệ sinh thái rùng nhiệt đới gió mùa: rùng thường xanh, rùng rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô ...   * Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.   + Ở độ cao 600 – 700m đến 1600 – 1700m là các hệ sinh thái rùng cận nhiết đới lá rộng và lá kim.  + Ở độ cao trên 1600 – 1700m rùng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài.   * Đai ôn đới gió mùa trên núi: sinh vật nghèo nàn, chủ yếu là một số loài thực vật ôn đới. |
| **2.Tại sao sinh vật ở nước ta có sự phân hóa theo độ cao?** |
| * Đai nhiệt đới gió mùa chân núi: chủ yếu là các hệ sinh thái rừng nhiệt đới do phát triển trong điều kiện khí hậu nhiệt đới. Tuy nhiên do độ ẩm thay đổi tùy nơi nên hình thành các hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm và rùng nhiệt đới khô ... * Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi:   + Ở độ cao từ 600 – 700m đến 1600 – 1700m khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng hình thành các hệ sinh thái rùng cận nhiệt đới ẩm lá rộng và lá kim.  + Ở độ cao trên 1600 – 1700m, nhiệt độ tiếp tục giảm nên rừng phát triển kém, đã xuất hiện các loài cây ôn đới. Độ ẩm cao nên rêu, địa y phủ kín thân và cành cây.   * Đai ôn đới gió mùa trên núi: khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15oC, mùa đông xuống dưới 5oC nên sinh vật nghèo nàn, chủ yếu là các loài thực vật ôn đới. |
| **V.1.Vẽ biểu đồ** |
| **2.Nhận xét** |
| * Dân số nước ta tăng liên tục (dẫn chứng) * Tỉ lệ tăng dân số có sự biến động:   + Từ 2006 đến 2011: giảm (dẫn chứng)  + Từ 2011 đến 2013: tăng (dẫn chứng) |
| **3.Nhận xét và giải thích nguyên nhân thay đổi cơ cấu dân số theo giới** |
| * Xử lí bảng số liệu: Cơ cấu dân số theo giới nước ta giai đoạn 2006 – 2013 (%)  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng số** | **Nam** | **Nữ** | | 2006 | 100 | 49,21 | 50,79 | | 2007 | 100 | 49.21 | 50,79 | | 2008 | 100 | 49,29 | 50,71 | | 2009 | 100 | 49,43 | 50,57 | | 2010 | 100 | 49,45 | 50,55 | | 2011 | 100 | 49,45 | 50,55 | | 2012 | 100 | 49,47 | 50,53 | | 2013 | 100 | 49,50 | 50,50 | |
| * Nhận xét: cơ cấu dân số theo giới nước ta có sự thay đổi theo hướng:   + Giảm tỉ trọng giới nam (dẫn chứng)  + Giảm tỉ trọng giới nữ (dẫn chứng)   * Giải thích:   + Phong tục tập quán và tâm lí xã hội  + Các nhân tố khác (can thiệp của y học ...) |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH PHÚC**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HSG LỚP 12 NĂM HỌC 2018 - 2019**  **ĐỀ THI MÔN THI**: **ĐỊA LÍ - THPT**  *Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Câu 1:** Phân tích nguyên nhân sinh ra tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp và nêu biện pháp để khắc phục tình trạng này.

**Câu 2**: Trình bày đặc điểm chung của các ngành công nghiệp trí tuệ. Tại sao Nhật Bản lại chú trọng phát triển các nhành công nghiệp trí tuệ?

**Câu 3:**  Cho bảng số liệu sau:

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1995 – 2010**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** |
| Tổng số dân (triệu người) | 1211,2 | 1267,4 | 1307,6 | 1340,9 |
| Số dân thành thị (triệu người) | 351,3 | 458,8 | 562,3 | 669,1 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số (%) | 1,1 | 0,8 | 0,6 | 0,5 |

*(Nguồn: Key Indicators for Asia and the Pacific 2012)*

Để thể hiện tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn 1995 – 2010, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất? Nhận xét và giải thích về tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn trên.

**Câu 4:** Trình bày những thách thức đối với ASEAN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 5:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc. Đặc điểm địa hình đó có ảnh hưởng như thế nào tới đặc điểm sông ngòi của vùng?

**Câu 6:**  Những thiên tai của BĐ có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

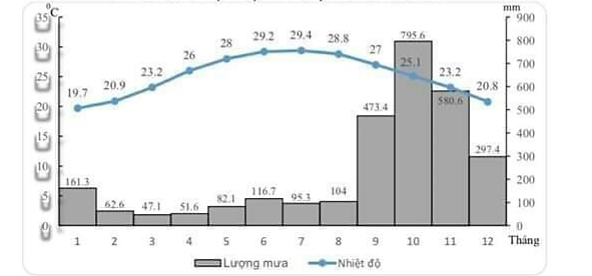
**Câu 7:** Phân tích vai trò của địa hình đối với sự phân hóa thiên nhiên nước ta.

**Câu 8:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy xác định hướng di chuyển, thời gian hoạt động, phạm vi ảnh hưởng của bão và gió Tây khô nóng ở nước ta.

**Câu 9:**  Chứng minh thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo quy luật đai cao và quy luật địa ô. Tại sao có sự phân hóa đó?

**Câu 10:**  Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở HUẾ



Từ biểu đồ trên , hãy nhận xét và giải thích về nhiệt độ và lượng mưa ở Huế.

-------Hết-------

|  |
| --- |
| **Nội dung** |
| **1.Phân tích nguyên nhân sinh ra tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp và nêu biện pháp để khắc phục tình trạng này.** |
| * Nguyên nhân:   + Thời gian sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi tương đối dài, không giống nhau và thông qua hàng loạt giai đoạn kế tiếp nhau.  + Thời gian sản xuất bao giờ cũng dài hơn thời gian lao động cần thiết để tạo ra sản phẩm cây trồng hơn vật nuôi.   * Biện pháp khắc phục:   + Xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí, đa dạng hóa sản xuất (tăng vụ, xen canh, gối vụ).  + Phát triển ngành nghề dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. |
| **2.Trình bày đặc điểm chung của các ngành công nghiệp trí tuệ. Tại sao Nhật Bản lại chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trí tuệ?** |
| * Đặc điểm chung của các ngành công nghiệp trí tuệ:   + Mới phát triển trong những thập niên gần đây, phân bố chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển.  + Sử dụng ít nguyên liệu và lao động, ít gây ô nhiễm môi trường. Yêu cầu cao về khoa học kĩ thuật, lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao (công nhân tri thức là chủ yếu).   * Nhật bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trí tuệ vì:   + Nhật Bản là nước nghèo tài nguyên khoáng sản, phải nhập nhiều nguyên, nhiên liệu nên phụ thuộc các nước khác: Nhật Bản có lợi thế về nguồn lao động có trình độ và tay nghề cao.  + Việc phát triển các ngành công nghiệp trí tuệ phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của thế giới, đem lại hiệu quả kinh tế cao. |
| **3.Để thể hiện tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn 1995 – 2010, dạng biểu đồ nào là thích hợp nhất? Nhận xét và giải thích về tình hình phát triển dân số TQ giai đoạn trên.** |
| * Dạng biểu đồ thích hợp nhất: biểu đồ kết hợp (cột chồng và đường). * Nhận xét:   + Tổng dân số Trung Quốc tăng liên tục (dẫn chứng)  + Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng liên tục nhưng vẫn còn thấp (dẫn chứng)  + Tỉ lệ gia tăng dân số giảm liên tục (dẫn chứng).   * Giải thích:   + Dân số tăng do quy mô dân số đông, số người trong độ tuổi sinh cao.  + Dân số thành thị tăng cả về số lượng và tỉ lệ do tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng mạnh. Tỉ lệ dân thành thị vẫn còn thấp do quá trình đô thị hóa muộn.  + Tỉ lệ gia tăng dân số giảm do chính sách dân số rất triệt để. |
| **4.Trình bày những thách thức đối với ASEAN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.** |
| = Trình độ phát triển còn chênh lệch: trình độ phát triển kinh tế, GDP bình quân đầu người của Xin- ga- po rất cao, còn ở nhiều nước lại rất thấp (Mi- an- ma, Cam- pu- chia, Lào, ...)  - Vẫn còn tình trạng đói nghèo, đây là thực trạng ở các quốc gia trong ASEAN, mặc dù mức độ đói nghèo ở mỗi quốc gia có khác nhau.  - Các vấn đề xã hội phức tạp: đô thị hóa trong khu vực diễn ra nhanh, vấn đề tôn giáo, sự hòa hợp dân tộc trong mỗi quốc gia, dịch bệnh, thất nghiệp, phát triển nhân lực, đào tạo nhân tài.  - Việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường chưa hợp lí. |
| **5.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu đặc điểm địa hình vùng núi TSB. Đặc điểm địa hình đó có ảnh hưởng như thế nào tới đặc điểm sông ngòi của vùng?** |
| - Đặc điểm chung của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc:  + Giới hạn: từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.  + Độ cao, hình dạng: chủ yếu là đồi núi thấp và hẹp ngang.  + Hướng núi: song song và so le hướng tây bắc – đông nam.  + Hướng nghiêng: Tây bắc – đông nam.  - Cấu trúc: Địa hình cao ở hai đầu (phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An, phía nam là vùng núi Tây Thừa Thiên – Huế), thấp trũng ở giữa (Quảng Bình, Quảng Trị).  -Ảnh hưởng của địa hình tới đặc điểm sông ngòi:  + Hướng núi và hướng nghiêng quy định hướng sông ngòi: sông ngòi chủ yếu là hướng tây bắc- đông nam (sông Cả, sông Gianh ...)  + Sông ngòi thường ngắn và dốc, diện tích lưu vực nhỏ.  + Chế độ nước sông lên nhanh, rút nhanh, khả năng bồi tụ thấp. |
| **6.Những thiên tai của Biển Đông có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?** |
| * Bão:   + Mỗi năm trung bình có 9 – 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3- 4 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta.  + Bão kèm theo mưa lớn, sóng lừng, lũ lụt gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.  -Sạt lở bờ biển: hiện tượng sạt lở bờ biển đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển miền Trung, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất và đời sống.  -Các hiện tượng cát bay, cát chảy ở ven biển miền Trung lấn chiếm ruộng vườn, làm giảm diện tích đất canh tác, hoang mạc hóa đất đai. |
| **7.Phân tích vai trò của địa hình đối với sự phân hóa thiên nhiên nước ta.** |
| -Địa hình là bề mặt làm phân hóa các thành phần tự nhiên khác, biểu hiện trước hết ở sự phân phối lại tương quan nhiệt ẩm, từ đó tác động đến mạng lưới sông ngòi, ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất và lớp phủ thực vật.  -Phân hóa theo Bắc – Nam: dãy Bạch Mã kết hợp với gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính gây ra sự phân hóa đó.  -Phân hóa theo Đông – Tây: các dạng địa hình (vùng biển và thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi núi) và hướng địa hình là cơ sở cho sự phân hóa từ đông sang tây  -Phân hóa theo độ cao: độ cao địa hình là nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao. |
| **8.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy xác định hướng di chuyển, thời gian hoạt động, phạm vi ảnh hưởng của bão và gió Tây khô nóng ở nước ta.** |
| * Bão:   + Hướng: các cơn bão đến nước ta đều từ phía đông (Biển Đông) sau đó bão di chuyển theo hướng tây, tây bắc, thậm chí cả hướng tây nam.  + Thời gian hoạt động:thường bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 12, trong đó tần suất mạnh nhất là tháng 9. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.  + Phạm vi ảnh hưởng: chủ yếu ở các tỉnh ven biển, nhất là ven biển miền Trung.   * Gió Tây khô nóng:   + Hướng: chủ yếu là tây nam  + Thời gian hoạt động: đầu mùa hạ  + Phạm vi ảnh hưởng: Bắc Trung Bộ, Tây Bắc |
| **9.Chứng minh thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo quy luật đai cao và quy luật địa ô. Tại sao có sự phân hóa đó?** |
| * Quy luật đai cao:   + Biểu hiện: thiên nhiên phân hóa theo quy luật đai cao (đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi, đai ôn đới gió mùa trên núi).  + Nguyên nhân: do ảnh hưởng của độ cao địa hình làm cho khí hậu thay đổi, kéo theo các thành phần tự nhiên cũng thay đổi theo.   * Quy luật địa ô:   + Biểu hiện: thiên nhiên phân hóa theo quy luật địa ô (Đông – Tây): từ Đông sang Tây thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 đai rõ rệt (dẫn chứng), sự phân hóa giữa Đông Bắc và Tây Bắc, giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên.  + Nguyên nhân: chủ yếu do tác động của gió mùa kết hợp với hướng của các dãy núi và ảnh hưởng của biển tới các vùng khác nhau |
| **10.Từ biểu đồ trên, hãy nhận xét và giải thích về nhiệt độ và lượng mưa ở Huế.** |
| * Nhận xét:   + Nhiệt độ trung bình năm cao (25,1oC)  + Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 (19,7oC), tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7 (29,4oC)  + Biên độ nhiệt độ khá cao (9,7oC)  + Tổng lượng mưa cả năm lớn (2867,7mm)  + Lượng mưa có sự phân mùa rõ rệt (mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 1 năm sau, mùa khô từ tháng 2 đến tháng 7). Mưa nhiều vào mùa thu, đông.   * Giải thích:   + Huế có nhiệt độ trung bình năm cao do nằm trong khu vực nhiệt đới nội chí tuyến bán cầu Bắc.  + Trong biến trình nhiệt có 1 tháng dưới 20oC do vẫn còn chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu dần.  + Mưa nhiều vào mùa thu, đông do ảnh hưởng của địa hình đón gió hướng đông bắc thổi qua biển, dài hội tụ nhiệt đới và bão. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **NAM ĐỊNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **THÀNH LẬP ĐỘI TUYỂN DỰ THI HSG QUỐC GIA**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **Môn: ĐỊA LÍ**  **Đề số: 01**  Thời gian làm bài: 180 phút.*.* |

**Câu 1: (3,0 điểm)**

a.So sánh và giải thích chế độ mưa của kiểu khí hậu xích đạo và kiểu khí hậu ôn đới hải dương.

b.Tại sao sự phân bố của các thành phần tự nhiên và cảnh quan tự nhiên vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới?

**Câu 2: (2,0 điểm)**

a.Các nước đang phát triển gặp những khó khăn gì về mặt kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?

b.Tại sao dân cư, nguồn lao động được coi là nguồn lực quan trọng, quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế?

**Câu 3: (3,0 điểm)** *“Mặc dù gió mùa có làm đảo lộn sự ổn định của khí hậu vùng nội chí tuyến nhưng không xoá nổi tính chất nóng ẩm của khí hậu nước ta”*. Em hãy làm rõ nhận định trên.

**Câu 4: (3,0 điểm)**

a.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh đặc điểm sông ngòi giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

b.Tại sao thủy chế sông ngòi nước ta theo mùa và có tính thất thường?

**Câu 5: (3,0 điểm)**

a.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh và giải thích đặc điểm mạng lưới đô thị của Trung du miền núi Bắc Bộ và vùng Đông Nam Bộ.

b.Tại sao đô thị hóa bền vững trở thành mục tiêu quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

**Câu 6: (3,0 điểm)**

a.Cho bảng số liệu sau: Tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000 - 2015

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Giá trị sản xuất thủy sản (nghìn tỷ đồng) | | | Sản lượng thủy sản (nghìn tấn) | | |
| Tổng | Khai thác | Nuôi trồng | Tổng | Khai thác | Nuôi trồng |
| 2000 | 38,7 | 22,9 | 15,8 | 2250,9 | 1660,9 | 590,0 |
| 2010 | 153,1 | 58,8 | 94,3 | 5142,7 | 2414,4 | 2728,3 |
| 2015 | 254,1 | 94,6 | 159,5 | 6582,1 | 3049,9 | 3532,2 |

*(Niên giám thống kê 2016, NXB Thống kê 2017)*

Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta trong giai đoạn trên.

b.Tại sao trong phát triển ngành thủy sản nước ta phải đẩy mạnh ngành nuôi trồng thủy sản và đánh bắt xa bờ?

**Câu 7: (3,0 điểm)**

a.Tại sao nói việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển đảo có vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

b.Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ?

**-HẾT-**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Yêu cầu** | | | | | | |
| ***1.a) So sánh và giải thích chế độ mưa của kiểu khí hậu xích đạo và kiểu khí hậu ôn đới hải dương.*** | | | | | | |
| - Giống nhau: mưa quanh năm  - Khác nhau:  + Kiểu khí hậu xích đạo có mưa lớn, đều quanh năm;  + Kiểu khí hậu ôn đới hải dương có lượng mưa ít hơn và thất thường.  - Giải thích:  + Xích đạo mưa quanh năm, lớn, đều do đây là vùng có nhiệt độ cao quanh năm, kết hợp với diện tích đại dương lớn làm cho lượng mưa đối lưu nhiệt phát triển mạnh; do ảnh hưởng của áp thấp xích đạo, có dòng biển nóng, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới với tầng ẩm dày.  + Kiểu khí hậu ôn đới hải dương có mưa quanh năm, nhưng lượng mưa ít và thất thường hơn do vùng chịu ảnh hưởng của áp thấp ôn đới, gió Tây ôn đới, dòng biển nóng, frông ôn đới và frông cực hoạt động. Song các yếu tố gây mưa trên đều có diễn biến thất thường và sự diễn biến thất thường này đã dẫn đến sự thất thường trong chế độ mưa. | | | | | | |
| ***b) Tại sao sự phân bố của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí tự nhiên vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới?*** | | | | | | |
| - Các thành phần tự nhiên và các cảnh quan địa lí tự nhiên vừa chịu sự tác động của nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời, vừa chịu tác động của nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.  - Sự phân bố theo đới của năng lượng bức xạ mặt trời đã gây ra tính địa đới của nhiều thành phần và cảnh quan địa lí trên Trái Đất (các đới khí hậu, các thảm thực vật theo vĩ độ…);  - Nguồn năng lượng bên trong của Trái Đất đã tạo nên sự phân chia bề mặt Trái Đất thành lục địa, đại dương và địa hình núi cao:  + Sự phân bố đất liền, đại dương làm cho khí hậu ở lục địa phân hóa từ đông sang tây: càng vào trung tâm lục địa, tính chất lục địa càng tăng. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến làm cho khí hậu khác nhau theo chiều đông tây.  + Địa hình núi cao tạo nên sự thay đổi của chế độ nhiệt ẩm theo độ cao -> làm các thành phần tự nhiên khác (thổ nhưỡng, sinh vật) và toàn bộ cảnh quan thay đổi theo độ cao. | | | | | | |
| ***2.a) Các nước ĐPT gặp khó khăn về kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?*** | | | | | | |
| - Về kinh tế: Đây là các nước nghèo, chậm phát triển, hạn chế vềnguồn vốn và kĩ thuật, công nghệ cao; thiếu lao động có kĩ thuật; gánh nợ nước ngoài lớn, hậu quả của chiến tranh và xung đột triền miên...  - Về xã hội: dân cư đông, dân số tăng nhanh, bùng nổ dân số trong nhiều năm, nạn đói, dịch bệnh, chất lượng cuộc sống thấp...  -> Tất cả khó khăn trên đã làm cho vấn đề môi trường của các nước đang phát triển bị hủy hoại trầm trọng (khai thác tài nguyên thiên nhiên lãng phí, việc khai thác mà chưa chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguồn tài nguyên -> làm tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm; các công ty xuyên quốc gia lợi dụng những khó khăn về kinh tế để bóc lột tài nguyên...). | | | | | | |
| ***b) Tại sao dân cư, nguồn lao động được coi là nguồn lực quan trọng, quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế?*** | | | | | | |
| - Dân cư, lao động với hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm, tạo ra tăng trưởng; là yếu tố đầu vào của hoạt động kinh tế.  - Dân cư, lao động đồng thời tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ, tham gia vào việc tạo nhu cầu của nền kinh tế. Quy mô và cơ cấu tiêu dùng của dân cư góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế. | | | | | | |
| ***3. “Mặc dù gió mùa có làm đảo lộn sự ổn định của khí hậu nội chí tuyến nhưng không xoá nổi tính chất nóng ẩm của khí hậu nước ta”. Em hãy làm rõ nhận định trên.*** | | | | | | |
| - Khí hậu nội chí tuyến được thể hiện qua: nhiệt độ cao, bức xạ lớn, gió tín phong hoạt động thường xuyên, ổn định, lượng mưa trung bình, phân mùa chủ yếu theo lượng mưa nhưng không rõ rệt.  - Gió mùa làm đảo lộn sự ổn định khí hậu nội chí tuyến  + Biểu hiện:  \*Gió mùa đông bắc làm nền nhiệt của nước ta bị hạ thấp, đặc biệt là ở miền Bắc với 2-3 tháng có nhiệt độ dưới 180C, làm xuất hiện frông và tạo ra nhiều kiểu thời tiết không đặc trưng ở vùng nội chí tuyến (dẫn chứng).  \*Gió mùa tây nam cùng với hoạt động của DHTNĐ kết hợp với địa hình đa dạng ở nước ta đã tạo ra nhiều hình thái mưa ở từng khu vực. Điều này cũng tạo ra sự khác biệt so với kiểu thời tiết ở vùng nội chí tuyến.  \*Hoạt động của các loại gió theo mùa có hướng và tính chất trái ngược nhau tạo ra sự phân chia mùa rõ rệt (thậm chí là tương phản) và khác nhau giữa các vùng trong cả nước (dẫn chứng).  \*Gió mùa cũng tạo nên một số hiện tượng thời tiết bất thường (dẫn chứng) làm giảm sự ổn định của khí hậu nội chí tuyến.  + Nguyên nhân:  \*Do vị trí nước ta nằm trong vùng hoạt động gió mùa châu Á điển hình, các loại gió mùa xuất phát ở các khu vực khác nhau, tính chất của gió mùa có sự khác biệt với gió tín phong (phân tích: Gió mùa đông bắc tạo kiểu thời tiết lạnh khô, thậm chí tuyết rơi, sương muối, rét đậm, rét hại…; Gió mùa Tây nam hoạt động cùng dải hội tụ nội chí tuyến gây mưa ngâu ở miền Bắc, mưa lớn ở miền Trung, mưa dài và lớn ở miền Nam, gây bão lụt thường xuyên hơn).  \*Hoạt động luân phiên của 2 loại gió mùa với hướng và tính chất trái ngược kết hợp với địa hình tạo ra sự phân mùa rất rõ rệt và khác nhau ở từng khu vực (dẫn chứng).  - Gió mùa không xoá nổi tính chất nóng ẩm của khí hậu nước ta:  + Biểu hiện:  \*Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước là 200C (vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới). Kể cả khu vực chịu tác động mạnh nhất của GMĐB thì nhiệt độ TB năm vẫn trên 200C (Lạng Sơn). Tổng lượng bức xạ lớn và cân bằng bức xạ luôn dương quanh năm (dẫn chứng).  \*Tính chất ẩm vẫn được bảo toàn: lượng mưa trung bình 1500 – 2000mm, cân bằng ẩm dương, độ ẩm tương đới TB 80%.  \*Hoạt động của gió tín phong vẫn diễn ra trong cả năm, xen kẽ với các đợt gió mùa, hoạt động độc lập, ổn định ở miền Nam từ tháng 11 – tháng 4 năm sau.  + Nguyên nhân: Gió mùa đông bắc chỉ hoạt động từng đợt, không liên tục và nhanh chóng bị biến tính khi xuống phía Nam. Gió mùa Tây nam hoạt động trong mùa hạ, bản chất vẫn là gió tín phong hoặc xuất phát trong vùng nội chí tuyến. | | | | | | |
| ***4.a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh đặc điểm sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.*** | | | | | |
| \* Giống nhau: Mạng lưới sông ngòi dày đặc, các hệ thống sông lớn có hướng chảy TB- ĐN, đều đổ nước ra biển Đông. Thủy chế sông ngòi theo mùa. Sông ngòi phân hóa theo lãnh thổ.  \* Khác nhau  - Sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với Tây Bắc và BTB  + Mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, có hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình.  + Đặc điểm hình thái: Nhiều sông dài hơn, sông có diện tích lưu vực lớn hơn, hướng chảy chủ yếu là TB-ĐN (dc), ngoài ra một số sông có hướng vòng cung (dẫn chứng), sông nhiều phụ lưu, ít chi lưu. Phần lớn sông chảy trên vùng đồi núi thấp, một phần chảy trên vùng đồng bằng, lòng sông mở rộng, uốn khúc mạnh.  + Sông nhiều nước, sông Hồng có lượng nước lớn nhận từ bên ngoài lãnh thổ, sông ngòi vùng Đông bắc lượng nước ít hơn (do chảy trên vùng núi đá vôi, lượng thấm cao), hàm lượng phù sa của sông ngòi cao.  + Thủy chế theo mùa, mùa lũ từ tháng 6-10 (dẫn chứng), mùa kiệt từ tháng 11- đến tháng 4 năm sau (trùng với mùa mưa khô của vùng).  - Sông ngòi miền TB và BTB  + Mạng lưới sông dày đặc hơn. Có hệ thống sông lớn tiêu biểu trong vùng là s Đà, s.Mã, sông Cả.  + Đặc điểm hình thái: phần lớn là sông nhỏ, ngắn dốc ở Bắc Trung Bộ. Diện tích lưu vực nhỏ hớn hơn. Sông chảy theo 2 hướng chính là TB- ĐN và hướng Tây - Đông.  + Sông khá nhiều nước, phần lớn có nguồn cung cấp nước trong lãnh thổ. Thủy chế sông ngòi theo mùa nhưng có sự khác nhau giữa TB và BTB (dẫn chứng)  + Sông ngòi có sự phân hóa rõ về lãnh thổ: sông ngòi vùng núi Tây Bắc và sông ngòi vùng Bắc Trung Bộ (dẫn chứng). | | | | | |
| ***b) Tại sao thủy chế sông ngòi nước ta theo mùa và có tính thất thường?*** | | | | | |
| - Thủy chế theo mùa: do nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông ngòi là nước mưa, mà chế độ mưa theo mùa (phân tích)…  - Tính thất thường do chế độ mưa thất thường và do đặc điểm hình thái của địa hình tăng cường tính thất thường của chế độ nước sông (phân tích) | | | | | |
| ***5.a.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân biệt đặc điểm mạng lưới đô thị của Trung du miền núi Bắc Bộ với vùng Đông Nam Bộ và giải thích.*** | | | | |
| - Phân biệt:  + Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ (TDMNBB) có số lượng đô thị nhiều hơn, nhưng chủ yếu là đô thị nhỏ, quy mô dân số ít, chức năng đô thị chủ yếu mang tính chất hành chính văn hóa (dẫn chứng).  + Vùng Đông Nam Bộ (ĐNB) có số lượng đô thị ít hơn, nhiều đô thị lớn, quy mô dân số đô thị đông, chức năng đô thị đa dạng (dẫn chứng).  - Giải thích:  Sự khác nhau về đặc điểm mạng lưới đô thị giữa TDMNBB và ĐNB chủ yếu do sự khác nhau về cơ cấu đơn vị hành chính, trình độ phát triển, lịch sử phát triển của ngành công nghiệp, cơ cấu ngành công nghiệp và ngành dịch vụ… của mỗi vùng khác nhau:  + TDMNBB có nhiều đơn vị hành chính hơn, công nghiệp và dịch vụ kém phát triển hơn (phân tích: thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng -> phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, công nghiệp luyện kim, công nghiệp năng lượng…-> hình thành nhiều điểm công nghiệp-> động lực hình thành các đô thị -> số lượng đô thị tăng; nhưng trong cơ cấu ngành công nghiệp của vùng chủ yếu là ngành công nghiệp nặng, cần ít lao động -> hạn chế việc thu hút dân cư vào các đô thị -> quy mô dân số đô thị ít; kinh tế chưa phát triển mạnh, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ -> đô thị chủ yếu mang chức năng hành chính, văn hóa là chủ yếu).  + Đông Nam bộ có ít đơn vị hành chính hơn, nhưng kinh tế phát triển mạnh hơn, đặc biệt có ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển mạnh hàng đầu cả nước hình thành những trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn với cơ cấu ngành nghề đa dạng, đặc biệt có nhiều ngành công nghiệp cần nhiều lao động như ngành công nghiệp CBLTTP, SXHTD… thu hút dân cư đô thị đông, tạo tiền đề hình thành các đô thị lớn, quy mô dân số đô thị đông và có chức năng kinh tế là chủ yếu. | | | | |
| ***b.Tại sao đô thị hóa bền vững trở thành mục tiêu quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế xã hội của nước ta?*** | | | | |
| - Hiện trạng quá trình đô thị hóa nước ta: Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp; tỷ lệ thị dân thành thị tăng nhưng còn chậm và vẫn thấp hơn so với các nước khác trong khu vực và trên thế giới; phân bố đô thị không đều trên lãnh thổ.  - Nếu đô thị hóa không bền vững, không gắn với sự phát triển kinh tế, đặc biệt quá trình đô thị hóa sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng (tình trạng thiếu việc là, vấn đề nhà ở, kết cấu hạ tầng đô thị quá tải, ô nhiễm môi trường, xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội…).  - Ngược lại nếu đô thị hóa bền vững, phát triển gắn liền với quá trình công nghiệp hóa sẽ mang lại những tác động tích cực  + Kinh tế: góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhất là công nghiệp và dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm…  + Xã hội: tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, làm chậm mức sinh và gia tăng tự nhiên, giảm tác động gây ô nhiễm môi trường. | | | | |
| ***6.a) Phân tích tình hình phát triển thủy sản nước ta giai đoạn 2000 - 2015 qua bảng số liệu.*** | | | |
| \* Về giá trị ngành thủy sản  - Quy mô và tốc độ tăng trong giai đoạn….  + Tốc độ tăng….-> so sánh tốc độ tăng  + So sánh quy mô giá trị giữa 2 ngành  - Về cơ cấu giá trị ngành thủy sản  \* Về sản lượng thủy sản (tương tự)  + Quy mô và tốc độ tăng cảu sản lượng thủy sản…  + Cơ cấu sản lượng thủy sản…  \* Mối quan hệ giữa giá trị và sản lượng ngành thủy sản là giá thành ngành thủy sản (dẫn chứng).  \* Kết luận: Ngành thủy sản phát triển mạnh, trong đó ngành nuôi trồng phát triển mạnh hơn. | | | |
| ***b) Tại sao trong phát triển ngành thủy sản nước ta phải đẩy mạnh ngành nuôi trồng thủy sản và đánh bắt xa bờ?*** | | | |
| \* Đẩy mạnh nuôi trồng vì:  + Chủ động được đối tượng nuôi, chủ động được thời điểm thu hoạch sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường tốt hơn. Việc đẩy mạnh nuôi trồng sẽ đảm bảo tốt hơn nguồn nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp chế biến ( nhất là chế biến để xuất khẩu).  + Các sản phẩm nuôi trồng có giá trị kinh tế cao và nhu cầu lớn trên thị trường. Nuôi các đối tượng đặc sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn.  + Có khả năng khắc phục được một số trở ngại của thiên nhiên… Là ngành phát triển muộn hơn đánh bắt thủy sản nên còn nhiều tiềm năng để mở rộng diện tích nuôi trồng.  + Việc phát triển nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa điều chỉnh đáng kể đối với sự phát triển ngành khai thác thủy sản.  \*. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ vì:  - Hiện trạng đánh bắt: chủ yếu đánh bắt ven bờ, sản lượng đánh bắt ven bờ vượt quá gấp đôi khả năng cho phép đã làm suy giảm nghiên trọng nguồn lợi ven bờ. Trong khi đó sản lượng đánh bắt xa bờ mới chỉ bằng 1/5 khả năng cho phép, tiềm năng còn rất lớn.  - Việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ đem lại hiệu quả cao và có ý nghĩa lớn: Góp phần khai thác có hiệu hiệu quả nguồn lợi hải sản xa bờ và bảo vệ nguồn lợi ven bờ; góp phần bảo vệ và giữ vững chủ quyền vùng biển, đảo, thềm lục địa của nước ta. | | | |
| ***7.a) Tại sao nói việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển đảo có vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.*** | | |
| - Nước ta có nguồn tài nguyên biển giàu có và đa dạng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển (phân tích).  - Việc phát triển tổng hợp góp phần đảm bảo khai thác hợp lí, có hiệu quả đối với các nguồn tài nguyên quý giá này:  + Việc khai thác các tài nguyên biển có liên quan nhằm hỗ trợ nhau cùng phát triển (phân tích).  + Mang lại hiệu quả cao về kinh tế như góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển, tăng cường các mối quan hệ KT quốc tế, đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế.  + Hiệu quả cao về xã hội (giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống).  - Khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và đảm bảo an ninh quốc phòng cho đất nước (phân tích).  - Góp phần chống ô nhiễm và suy thoái môi trường biển  + Các thành phần của môi trường biển có quan hệ chặt chẽ với nhau, chỉ một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến thay đổi dây chuyền và ảnh hưởng rõ rệt đến môi trường biển.  + Môi trường biển đảo rất nhạy cảm trước tác động của con người, nếu việc khai thác tổng hợp mà không được chú ý vấn đề bảo vệ môi trường có thể sẽ gây tác động tiêu cực lớn. | | |
| ***b) Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực NTB?*** | | |
| Phát triển và bảo vệ rừng ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ vì:  - Hiện trạng tự nhiên các tỉnh cực Nam Trung Bộ  + Khí hậu khô hạn, lượng mưa thấp nhất cả nước (dẫn chứng)  + Hiện tượng sa mạc hóa của khu vực đang có xu thế mở rộng (phân tích)  - Ý nghĩa của việc bảo vệ và phát triển rừng  + Giữ nước, tăng lượng nước ngầm, kiểm soát hiện tượng sa mạc hóa tốt hơn.  + Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống dân cư. | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **NAM ĐỊNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **THÀNH LẬP ĐỘI TUYỂN DỰ THI HSG QUỐC GIA NĂM HỌC 2018 – 2019**  **Môn: ĐỊA LÍ**  **Đề số: 02**  Thời gian làm bài: 180 phút. |

**Câu 1: (3,0 điểm)**

1. Phân tích mối quan hệ giữa độ muối và nhiệt độ của nước biển với nhiệt độ không khí.
2. Phân tích tác động chuyển động biểu kiến của Mặt Trời tới khí áp.

**Câu 2: (2,0 điểm)**

1. Tại sao các nước đang phát triển cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ?
2. Việc khai thác các nguồn lực bên ngoài có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển hiện nay?

**Câu 3: (3,0 điểm)**

1. Phân tích các nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta.
2. Phân tích tác động của thủy văn đối với quá trình hình thành đất ở nước ta. Tại sao ở nước ta quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu?

**Câu 4: (3,0 điểm)** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích đặc điểm khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
2. Chứng minh rằng sự phân hoá sông ngòi ở nước ta chịu tác động tổng hợp của địa hình và khí hậu.

**Câu 5: (3,0 điểm)**

* 1. Cho bảng số liệu: Tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của vùng Đồng bằng sông Hồng

và đồng bằng sông Cửu Long năm 2015*(đơn vị %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vùng | Tỉ lệ thất nghiệp | Tỉ lệ thiếu việc làm |
| Đồng bằng sông Hồng | 2,42 | 1,6 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 2,77 | 3,05 |

*(Niên giám thống kê 2016, NXB Thống kê 2017)*

Nhận xét và giải thích về vấn đề việc làm của hai vùng kinh tế trên.

b) Giải thích tại sao ở nước ta nguồn lao động tăng với tỉ lệ cao hơn nhiều so với tỉ lệ tăng dân số? Phân tích những thách thức trong vấn đề dân số và lao động của nước ta hiện nay.

**Câu 6: (3,0 điểm)**

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích hiện trạng phát triển ngành du lịch của nước ta. Tại sao ngành du lịch nước ta có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây?
2. Tại sao đầu tư theo chiều sâu được coi là một hướng chủ yếu trong hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta?

**Câu 7: (3,0 điểm)**

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh vấn đề khai thác thủy điện giữa vùng Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.

b)Tại sao nước ta cần hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển? Tại sao việc phát triển các khu kinh tế ven biển cần hết sức chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển?

**-HẾT-**

|  |
| --- |
| **Yêu cầu** |
| ***1.a..Phân tích mối quan hệ của độ muối và nhiệt độ của nước biển với nhiệt độ không khí.*** |
| - Độ muối của nước biển với nhiệt độ không khí:  + Độ muối của nước biển thay đổi tùy thuộc vào tương quan giữa độ bốc hơi với lượng mưa và lượng nước sông từ các lục địa đổ ra biển.  + Độ bốc hơi phụ thuộc phụ thuộc chủ yếu vào nhiệt độ không khí, mà nhiệt độ không khí lại có sự thay đổi theo vĩ độ nên độ muối của nước biển cũng thay đổi theo vĩ độ (phân tích)  - Nhiệt độ nước biển với nhiệt độ không khí  + Nhiệt độ nước biển từ mặt xuống độ sâu 3000m phụ thuộc vào nhiệt độ không khí: càng xuống sâu ảnh hưởng của nhiệt độ không khí càng giảm dần nên nhiệt độ nước biển cũng giảm theo.  Dẫn chứng: Nếu ở mặt biển nhiệt độ không khí là 280C, thì xuống đến độ sâu 100m, nhiệt độ còn 150C, xuống 30m nhiệt độ còn 100C, đến đọ sâu 1000m nhiệt độ xuống 40C. Từ độ sâu hơn 3000m, nhiệt nước biển gần như không đổi vì không còn chịu tác động của nhiệt độ không khí nữa, nước biển ở mọi nơi đều là nước từ địa cực, nhất là từ Nam cực lắng xuống và trôi đến.  + Nhiệt độ nước biển chịu sự tác động của nhiệt độ không khí theo mùa trong năm. Mùa hạ, nhiệt độ nước biển cao hơn mùa đông.  + Nhiệt độ nước biển chịu sự tác động của nhiệt độ không khí theo vĩ độ. Nhiệt độ không khí giảm dần từ xích đạo về cực, tương ứng với nhiệt độ của nước biển cũng giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao |
| ***b) Phân tích tác động chuyển động biểu kiến của Mặt Trời tới khí áp*** |
| - Khái niệm chuyển động biểu kiến và chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.  - Chuyển động biểu kiến của Mặt Trời làm cho chế độ nhiệt thay theo mùa và theo vĩ độ do đó khí áp cũng thay đổi theo mùa và theo vĩ độ.  + Mặt Trời chuyển động biểu kiến ở bán cầu bắc:  \*Vành đai áp thấp XĐ không cố định xung quanh đường xích đạo mà có sự di chuyển lên phía Bắc, có khi gần chí tuyến bắc. Áp thấp hình thành và bành trướng trên gần khắp lục địa châu Á (áp thấp Iran).  \*Đồng thời ở nam bán cầu, các áp cao chí tuyến phát triển rộng, trên các lục địa hình thành áp cao theo mùa như áp cao Đông Nam Ôxtrâylia.  + Mặt Trời chuyển động biểu kiến ở nam bán cầu:  \*Vành đai áp thấp xích đạo dịch chuyển xuống phía Nam đường xích đạo. Lục địa Ôxtrâylia rất nóng hình thành áp thấp Ôxtrâylia.  \*Đồng thời lúc này, nhiệt độ lục địa châu Á rất thấp, nhất là miền Đông Xibia hình thành áp cao Xibia. |
| ***2.a) Tại sao các nước đang phát triển cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ?*** |
| - Các nước đang phát triển là những nước nghèo, nông nghiệp chiếm vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm.  - Các nước này muốn có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và đảm bảo sự phát triển ổn định về kinh tế - xã hội, cần thiết phải có một hệ thống các ngành công nghiệp hiện đại và đa dạng. Để có được như vậy, cần phải chuyển sang một nền kinh tế về cơ bản dựa vào sản xuất công nghiệp, nghĩa là tiến hành quá trình công nghiệp hóa với sự gia tăng tỉ trọng của công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội và cơ cấu kinh tế; cùng với đó là sự biến động của ngành dịch vụ và tỉ trọng ngành nông nghiệp suy giảm trong cơ cấu.  - Các nhân tố tác động đến cơ cấu kinh tế luôn thay đổi, nên sự chuyển dịch là tất yếu, phù hợp với các quy luật vận động của tự nhiên, kinh tế - xã hội.  - Sự chuyển dịch phù hợp và gắn liền với xu thế chung của thế giới và khu vực. |
| 1. ***Việc khai thác các nguồn lực bên ngoài có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển hiện nay?*** |
| - Các nước đang phát triển có xuất phát điểm về kinh tế- xã hội thấp, tiến hành quá trình công nghiệp hóa muộn. Quá trình công nghiệp hóa gặp nhiều khó khăn về vốn, kĩ thuật, khoa học công nghệ, nguồn lao động kĩ thuật, thiếu kinh nghiệm quản lí, sức ép về việc làm của lực lượng lao động đông…  - Việc khai thác các nguồn lực bên ngoài như vốn, khoa học kĩ thuật, công nghệ, nguồn lao động chất lượng, kinh nghiệm quản lí, thị trường, nguồn nguyên, nhiên vật liệu….có ý quan trọng, tạo động lực cho sự phát triển KT-XH các nước đang phát triển, khắc phục những hạn chế để phát triển kinh tế trong nước…  + Giúp chuyển giao khoa học kĩ thuật công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực phát triển, tranh thủ đi tắt đón đầu các ngành kĩ thuật cao, tiên tiến của các nước phát triển, thúc đẩy quá trình hội nhập, tránh nguy cơ cơ tụt hậu…  + Giúp khai thác có hiệu quả những lợi thế so sánh trong nước, mở rộng thị trường, tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư… |
| ***3.a) Phân tích các nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta*** |
| Tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị suy giảm với biểu hiện xuất hiện sinh vật cận nhiệt và ôn đới do:  - Vị trí địa lí nằm gần chí tuyến ở phía bắc và gần xích đạo ở phía nam nên các loài xứ lạnh dễ dàng tràn xuống, cũng như các loài á xích đạo dễ dàng xâm nhập từ phía nam lên (phân tích).  - Địa hình  + Độ cao của hình: nước ta có 3/4diện tích là đồi núi, 15% diện tích lãnh thổ có độ cao trên 1000m, đồi núi phân bậc làm chế độ nhiệt, ẩm thay đổi theo độ cao kéo theo sự thay đổi khí hậu, đất theo độ cao, xuất hiện các vành đai sinh vật cận nhiệt và ôn đới trên núi (rõ nhất là vùng núi Tây Bắc);  + Hướng của địa hình vùng núi Đông Bắc với những cánh cung mở rộng về phía Bắc và Đông bắc tạo điều kiện thuận lợi cho việc đón các luồng không khí lạnh từ phương Bắc xâm nhập mạnh, làm vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta-> phát triển sinh vật cận nhiệt và ôn đới.  - Khí hậu: do tác động của gió mùa đông bắc làm cho miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh, với 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18oC làm xuất hiện sinh vật cận nhiệt đới và ôn đới.Vùng đồng bằng Bắc Bộ có thể trồng cây có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới vào mùa đông.  - Con người: việc khác rừng quá mức làm mất dần tính ưu thế ổn định của hệ sinh thái nhiệt đới, lai tạo hoặc bỏ đi những giống cây trồng vật nuôi bản địa làm suy giảm dần nhiều loài sinh vật nhiệt đới. |
| 1. ***Phân tích tác động của thủy văn đối với quá trình hình thành đất ở nước ta. Tại sao quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta?*** |
| - Tác động của thủy văn đối với quá trình hình thành đất chủ yếu thông qua tác động của nước chảy, nước ngầm và nước đọng.  + Mạng lưới sông ngòi nước ta với đặc điểm dày đặc, khi chảy qua miền đối núi bị xâm thực mạnh đã mang theo nhiều vật liệu bồi đắp nên các đồng bằng đất phù sa vùng hạ lưu (dẫn chứng). Nước chảy cũng xói mòn mạnh mẽ đất đai, nếu không có lớp phủ thực vật bảo vệ.  + Dòng nước ngầm khi ngấm xuống sâu, rửa trôi các chất dinh dưỡng về lâu dài làm cho đất bị bạc màu. Nơi nước ngầm chứa nhiều ôxít Fe, khi chúng trồi lên mặt tạo thành lớp đá ong dày. Vùng ven biển, ảnh hưởng của nước biển mặn, nước ngầm mặn hình thành các loại đất phèn, đất mặn.  + Nước đọng (những nơi địa hình trũng, đóng kín) quyết định mức độ glây và quá trình lầy thụt, tại đó hình thành đất glây, lầy thụt.  - Giải thích  + Quá trình hình thành đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là quá trình feralit. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nên đây là quá trình hình thành đất chủ yếu.  + Quá trình feralit diễn ra mạnh mẽ ở vùng đồi núi thấp, thềm phù sa cổ và ở cả các vùng đồng bằng. Nước ta có địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế nên feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu. |
| ***4.a) Phân tích đặc điểm khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ*** |
| - Kiểu khí hậu đặc trưng là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh do là vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc với các cánh cung hút gió ở vùng núi Đông Bắc. Khí hậu có sự phân hoá thành hai vùng khí hậu (dẫn chứng).  - Chế độ nhiệt:  + Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất cả nước (phổ biến ở mức từ 20-240C, vùng núi cao 18-200C). Biên độ nhiệt năm lớn dao động từ 10-130C.  + Chế độ nhiệt có sự phân hoá theo chiều Bắc Nam (dẫn chứng)  - Chế độ mưa:  + Lượng mưa phổ biến ở mức 1600-2000mm/năm, nhiều nơi trên 2800mm/năm. Phân hoá rõ rệt theo không gian và thời gian.  + Phân hóa theo không gian với các trung tâm mưa nhiều, mưa ít khác nhau, chủ yếu do ảnh hưởng của địa hình (dẫn chứng).  + Phân hoá theo mùa: Mưa nhiều vào mùa hạ, lượng mưa chiếm 80% lượng mưa cả năm, nhiều nhất vào tháng 8. Mưa ít vào mùa đông, lượng mưa dưới 400mm.  - Chế độ gió:  + Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc có tính chất lạnh khô đầu mùa và lạnh ẩm cuối mùa. Gió mùa đông bắc còn gây các kiểu thời tiết cực đoan cho miền như rét đạm, rét hại, sương muối, sương giá.  + Mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ có hướng Tây Nam với tính chất nóng ẩm. Ngoài ra vùng Tây Bắc còn chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam vào đầu mùa hạ. |
| ***b) Chứng minh rằng sự phân hoá sông ngòi nước ta chịu tác động của địa hình và khí hậu*** |
| - Khí hậu đặc biệt là chế độ mưa có sự phân hóa dẫn đến sự phân hóa chế độ mưa  + Chế độ mưa có sự phân hóa theo không gian, hình thành những trung tâm mưa nhiều, mưa ít đã chi phối lưu lượng nước của sông ngòi (dẫn chứng).  + Chế độ mưa theo mùa đã chi phối thủy chế của chế độ sông ngòi (dẫn chứng).  - Đặc điểm hình thái của địa hình đã chi phối đặc điểm hình thái của sông ngòi.  + Hướng của địa hình chi phối hướng của dòng chảy (dẫn chứng).  + Độ dốc của địa hình đã chi phối tốc độ dòng chảy. Sự tương phản giữa địa hình đồi núi và đồng bằng quy định sự thay đổi đột ngột dòng chảy từ thượng lưu xuống hạ lưu (dẫn chứng). |
| ***5.a. Nhận xét và giải thích bảng số liệu*** |
| \* Nhận xét  - Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở Đồng bằng sông Hồng đều thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long (dẫn chứng).  - Chênh lệch giữa 2 vùng về tỉ lệ thất nghiệp không đáng kể, còn về tỉ lệ thiếu việc làm rất lớn.  \* Giải thích  - Đồng bằng sông Hồng  + Kinh tế phát triển hơn, cơ cấu kinh tế tiến bộ hơn, cơ cấu ngành đa dạng hơn với nhiều trung tâm công nghiệp hơn hẳn cả về số lượng và quy mô, hoạt động dịch vụ đa dạng, phát triển mạnh (dẫn chứng)… nên khả năng tạo việc làm lớn, giảm tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt khu vực thành thị.  + Khu vực kinh tế nông thôn ở đang có sự chuyển dịch tích cực theo hướng đa dạng hóa cơ cấu ngành kinh tế, ảnh hưởng của thiên tai không lớn tới sản xuất nông nghiệp… tỷ lệ thiếu việc làm thấp hơn.  - Đồng bằng sông Cửu Long  + Hoạt động công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh -> tỉ lệ thất nghiệp còn cao.  + Trong sản xuất NN chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai như ngập lụt, hạn hán; hơn nữa cơ cấu kinh tế nông thôn chưa đa dạng hóa, ít các ngành nghề thủ công truyền thống hơn -> tỷ lệ thiếu việc làm cao hơn. |
| ***b) Giải thích tại sao ở nước ta nguồn lao động tăng với tỉ lệ cao hơn nhiều so với tỉ lệ tăng dân số? Phân tích những thách thức trong vấn đề dân số và lao động nước ta hiện nay.*** |
| - Nguồn lao động nước ta tăng nhanh hơn dân số vì:  + Tỉ lệ gia tăng dân số nước ta có xu hướng giảm (dẫn chứng).  + Tỉ lệ tăng nguồn lao động phụ thuộc vào tỉ lệ tăng dân số thời kì trước đó (phân tích).  - Những thách thức trong vấn đề dân số và lao động nước ta  + Quy mô dân số lớn, dân số lao động trong độ tuổi tăng nhanh tạo áp lực lớn về vấn đề việc làm.  + Tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm nhưng vẫn còn khá cao nên gây nhiều sức ép với sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.  + Phân bố dân cư chưa hợp lí đã dẫn đến việc sử dụng nguồn lao động và tài nguyên giữa các vùng miền chưa hiệu quả.  + Mất cân đối giới tính khi sinh, chất lượng lao động chưa cao nên khó khăn trong vấn đề tìm kiến việc làm… |
| ***6.a). Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích hiện trạng phát triển ngành du lịch của nước ta. Tại sao ngành du lịch nước ta có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây?*** |
| \* Hiện trạng phát triển ngành du lịch nước ta:  Từ năm 1995 đến năm 2007, số lượt khách du lịch và doanh thu du lịch nước ta tăng nhanh.  - Về khách du lịch (phân tích).  - Về doanh thu du lịch (phân tích).  - Về mức chi tiêu bình quân/khách du lịch…  - Trên phạm vi cả nước đã hình thành nhiều điểm du lịch, các trung tâm du lịch quốc gia và trung tâm du lịch vùng (dẫn chứng).  \* Giải thích ngành du lịch phát triển mạnh trong những năm gần đây  - Do chính sách đổi mới của Nhà nước: chính sách mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, tạo điều kiện quảng bá hình ảnh VN trên trường quốc tế; chính sách đầu tư, phát triển du lịch: thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển du lịch, xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú, đào tạo nguồn nhân lực…  - Chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao -> nhu cầu du lịch ngày càng lớn…  - Tiềm năng du lịch to lớn, được khám phá và đưa vào khai thác. Vấn đề an ninh chính trị ổn định, môi trường hòa bình...; |
| ***b) Tại sao đầu tư theo chiều sâu được coi là một hướng chủ yếu trong hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?*** |
| - Đầu tư theo chiều sâu trong công nghiệp là đầu tư về vốn, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, sử dụng lao động kĩ thuật cao…  - Hiện trạng và điều kiện phát triển công nghiệp nước ta: theo chiều rộng, tốc độ tăng trưởng chậm; cơ cấu ngành đơn điệu, thiếu các ngành có hàm lượng kĩ thuật cao…; Nhiều điều kiện phát triển công nghiệp… nhưng chưa khai thác hết tiềm năng…  - Ý nghĩa của việc đầu tư theo chiều sâu  + Đẩy mạnh phát triển các ngành có hàm lượng kĩ thuật cao, đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp..  + Khai thác có hiệu quả tiềm lực, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh…; Thúc đẩy công nghiệp phát triển mạnh, ổn định, đảm bảo tốt các vấn đề về xã hội, môi trường… -> ổn định cơ cấu ngành. |
| ***7.a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh vấn đề khai thác thủy điện giữa vùng Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.*** |
| * Giống nhau:   + Đều có trữ năng thủy điện lớn, đã và đang xây dựng nhiều nhà máy thủy điện lớn, nhỏ để khai thác thế mạnh của vùng.  + Thủy điện đều có ý nghĩa nhiều mặt về cung cấp điện năng, thủy lợi, thủy sản, du lịch và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trong vùng…   * Khác nhau   + Về tiềm năng: Trung du miền núi Bắc Bộ có tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước (tập trung chủ yếu sông Hồng, chiến 1/3 trữ năng thủy điện cả nước), Tây Nguyên có trữ lượng nhỏ hơn.  + Về hiện trạng: Trung du miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thủy điện lớn (dẫn chứng), còn Tây Nguyên cũng có nhiều nhà máy thủy điện nhưng công suất nhỏ hơn, được xây dựng thành các bậc thang thủy điện (dẫn chứng).  + Về ý nghĩa của các nhà máy thủy điện:  \*Các nhà máy thủy điện của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa chiến lược trong giải quyết năng lượng của cả nước; điều tiết nước cho đồng bằng sông Hồng.  \*Các nhà máy thủy điện của Tây Nguyên chủ yếu phục vụ nhu cầu trong vùng, giải quyết nước tưới vào mùa khô cho Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| ***b) Tại sao nước ta cần hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển? Tại sao việc phát triển các khu kinh tế ven biển cần hết sức chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển?*** |
| - Cần hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển vì:  + Tạo điều kiện thúc đẩy nước ta phát triển nền kinh tế mở; phát huy lợi thế về vị trí địa lí nước ta,khai thác tối đa nguồn lực bên ngoài…  + Hình thành các khu kinh tế cửa khẩu thúc đẩy việc giao thương của nước ta với các nước láng giềng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị, phát triển…  + Hình thành các khu kinh tế ven biển phát huy lợi thế giáp biển. Tạo cơ sở cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển, thực hiện chiến lược kinh tế hướng ra biển và đại dương.  + Góp phần khẳng định chủ quyền biên giới, vùng biển, thềm lục địa, đảo và quần đảo nước ta.  - Việc phát triển các khu kinh tế ven biển cần hết sức chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển vì:  + Các hoạt động của các khu kinh tế ven biển nếu không được kiểm soát tốt dễ gây ô nhiễm vùng biển;  + Gây hậu quả lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng biển (tàn phá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của sinh vật biển, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; hoạt động du lịch biển; kế sinh nhai của người dân vùng ven biển). |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **PHÚ THỌ**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12**  **THPT CẤP TỈNH NĂM HỌC 2017 - 2018**  **Môn: ĐỊA LÍ**  Thời gian làm bài: 180 phút, không kể giao đề | |  |

**I. PHẦN TỰ LUẬN** (8,0 điểm)

**Câu 1.** *(2,0 điểm)*

a) Trình bày và giải thích sự thay đổi không gian sản xuất công nghiệp của Hoa Kì.

b) Vì sao khu vực Đông Nam Á thường xảy ra các thiên tai động đất, núi lửa, bão, lũ lụt?

**Câu 2.** *(2,0 điểm)*

a) Chứng minh và giải thích tại sao vùng khí hậu Nam Bộ có chế độ nhiệt ổn định nhất nước ta.

b) Sự phân hóa thiên nhiên của nước ta theo Đông - Tây có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp?

**Câu 3.** *(1,5 điểm)*

a) Nêu nguyên nhân làm cho tỉ số giới tính khi sinh ở nước ta tăng lên trong những năm gần đây.

b) Phân tích tác động tích cực của quá trình đô thị hóa ở nước ta đến phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 4.** *(2,5 điểm)* Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2005 - 2015 *(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2008** | **2010** | **2012** | **2015** |
| Thành thị | 22,3 | 24,7 | 26,5 | 28,3 | 31,1 |
| Nông thôn | 60,1 | 60,4 | 60,4 | 60,5 | 60,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để so sánh số dân thành thị, nông thôn và thể hiện tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước giai đoạn 2005 - 2015.

b) Hãy nhận xét tình hình gia tăng số dân thành thị, nông thôn nước ta giai đoạn 2005 - 2015 và giải thích.

| **Nội dung** |
| --- |
| **1.a) Trình bày và giải thích sự thay đổi không gian sản xuất công nghiệp của Hoa Kì.** |
| - Sự thay đổi không gian sản xuất công nghiệp của Hoa Kì: |
| + Trước đây, sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc với các ngành công nghiệp truyền thống như luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt… |
| + Hiện nay, sản xuất công nghiệp mở rộng xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương hình thành vành đai công nghiệp mới với các ngành hiện đại như hóa dầu, hàng không - vũ trụ, điện tử, viễn thông… |
| - Giải thích: |
| + Do tác động của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, xu hướng toàn cầu hóa kinh tế; |
| + Cơ cấu ngành công nghiệp Hoa Kì thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng công nghiệp truyền thống và tăng công nghiệp hiện đại; bị cạnh tranh ngày càng gay gắt; |
| + Vùng Đông Bắc có công nghiệp phát triển lâu đời, cơ sở hạ tầng xuống cấp, ô nhiễm môi trường… |
| + Vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương có nhiều lợi thế như cơ sở hạ tầng mới xây dựng, lao động nhập cư, thị trường mới, khí hậu thuận lợi, giàu kim loại màu… |
| **b) Vì sao khu vực ĐNÁ thường xảy ra các thiên tai động đất, núi lửa, bão, lũ lụt?** |
| - Đông Nam Á nằm kề sát “vành đai lửa Thái Bình Dương”, là khu vực vỏ Trái Đất không ổn định, thường xảy ra các vận động kiến tạo sinh ra động đất, núi lửa. |
| - Đông Nam Á là khu vực gió mùa hoạt động điển hình trên thế giới, là nơi hoạt động của các áp thấp nhiệt đới nên chịu ảnh hưởng nặng nề của bão, lũ lụt… |
| **2.a) Chứng minh và giải thích tại sao vùng khí hậu Nam Bộ có chế độ nhiệt ổn định nhất nước ta.** |
| - Chứng minh: |
| + Nhiệt độ trung bình năm trên 250C, nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII đều trên 240C, không có tháng nào dưới 200C; |
| + Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ (dẫn chứng). |
| - Giải thích: |
| + Vùng Nam Bộ gần Xích đạo nên góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng trong năm lớn; Địa hình thấp nên sự phân hóa theo độ cao không đáng kể; |
| + Vùng Nam Bộ không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nhưng chịu ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc với đặc tính khô, nóng và ổn định nên chế độ nhiệt ít biến động. |
| **b) Sự phân hóa thiên nhiên của nước ta theo Đông - Tây có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp?** |
| - Từ Đông sang Tây, từ biển vào đất liền, thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 dải rõ rệt có nhiều ý nghĩa cho phát triển nông nghiệp. |
| - Vùng biển và thềm lục địa thuận lợi cho khai thác, nuôi trồng thủy sản. |
| - Vùng đồng bằng ven biển thuận lợi trồng cây ngắn ngày (lúa gạo, rau đậu, cây công nghiệp hàng năm), chăn nuôi lợn và gia cầm, nuôi trồng thủy sản... |
| - Vùng đồi núi có nhiều thế mạnh phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn và trồng rừng; cho phép phát triển nền NN với sản phẩm và mùa vụ đa dạng. |
| **3.a) Nêu nguyên nhân làm cho tỉ số giới tính khi sinh ở nước ta tăng lên trong những năm gần đây.** |
| - Phong tục tập quán và tâm lí xã hội cũ; trình độ dân trí chưa cao. |
| - Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật y tế; chính sách dân số… |
| **b) Phân tích tác động tích cực của quá trình ĐTH ở nước ta đến phát triển KT - xã hội.** |
| - Kinh tế: |
| + Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. |
| + Góp phần rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các vùng trong cả nước: tăng thu GDP và ngân sách. |
| + Các đô thị là thị trường tiêu thụ lớn và đa dạng, nơi sử dụng đông đảo lực lượng lao động có trình độ; có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại, có sức hút đầu tư trong và ngoài nước, tạo động lực cho sự tăng trưởng kinh tế. |
| - Xã hội: có khả năng tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động; thay đổi cơ cấu nghề nghiệp; làm chậm lại mức sinh và gia tăng tự nhiên. |
| **4.a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để so sánh số dân thành thị, nông thôn và thể hiện tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước giai đoạn 2005 - 2015.** |
| - Xử lí số liệu: TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ TRONG DÂN SỐ CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2005 - 2015   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2008** | **2010** | **2012** | **2015** | | Tỉ lệ *(%)* | 27,1 | 29,0 | 30,5 | 31,9 | 33,9 |   - Vẽ biểu đồ kết hợp:  D:\HSG-DH-TN\TRAC NGHIEM 2016\BIEU DO_HOANG 2017\So sanh so dan thanh thi va nong thon-ti le thanh thi 2005-2015.bmp  BIỂU ĐỒ SO SÁNH SỐ DÂN THÀNH THỊ, NÔNG THÔN VÀ THỂ HIỆN TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ TRONG DÂN SỐ CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2005 - 2015 |
| **b) Hãy nhận xét tình hình gia tăng số dân thành thị, nông thôn nước ta giai đoạn 2005 - 2015 và giải thích.** |
| - Số dân thành thị và nông thôn ở nước ta đều tăng qua các năm.  Nguyên nhân: Do gia tăng dân số tự nhiên nước ta vẫn còn ở mức khá cao. |
| - Năm 2015 so với 2005: Số dân thành thị tăng nhiều và nhanh hơn dân nông thôn (dẫn chứng).  Nguyên nhân: Do nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên đã tác động lớn đến đô thị hóa. |
| - Tuy nhiên số dân thành thị vẫn thấp hơn nông thôn (dẫn chứng).  Nguyên nhân: Do điểm xuất phát thấp của nền kinh tế (nông nghiệp là ngành kinh tế chính). |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT CẤP TỈNH NĂM HỌC 2018 - 2019**  Môn thi: **ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Câu I** *(2,0 điểm):*

1. Ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

2. Tại sao ở nhiều nước đang phát triển thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa như nước ta có thế mạnh phát triển cây công nghiệp?

**Câu II** *(1,0 điểm):*Phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm đa dạng sinh học.

**Câu III** *(2,0 điểm):*

1. Ý nghĩa việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế.

2. Phân tích ảnh hưởng của hình thể lãnh thổ nước ta tới hoạt động giao thông vận tải.

**Câu IV** *(2,0 điểm):*

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy nêu sự khác biệt về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.

2. Tại sao vùng đồi núi nước ta địa hình bị xâm thực mạnh?

**Câu V** *(3,0 điểm):*Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2006 | 2007 | 2010 |
| - Sản lượng *(nghìn tấn)* | 3467 | 3722 | 4200 | 5142 |
| + Khai thác | 1988 | 2027 | 2075 | 2414 |
| + Nuôi trồng | 1479 | 1695 | 2125 | 2728 |
| - Giá trị sản xuất *(tỉ đồng)* | 63678 | 74493 | 89694 | 153170 |

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn 2005 - 2010.

2. Nhận xét và giải thích sự thay đổi giá trị sản xuất thủy sản nước ta giai đoạn 2005 – 2010.

----------Hết----------

|  |
| --- |
| Nội dung cần đạt |
| **I.1.Ý nghĩa của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.** |
| - Cần phải nghiên cứu kĩ và toàn diện về điều kiện địa lí của bất kì lãnh thổ nào trước khi sử dụng chúng.  - Sự can thiệp của con người sẽ làm thay đổi hoàn cảnh tự nhiên xung quanh.  - Sự can thiệp của con người có thể dẫn tới những hậu quả trái với ý muốn của con người *(DC).* |
| **2.Tại sao các nước đang phát triển thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa như nước ta có thế mạnh về phát triển cây công nghiệp?** |
| - Khí hậu nhiệt đới gió mùa: Nhiệt độ cao, độ ẩm lớn, mưa nhiều thuận lợi cho cây công nghiệp phát triển.  - Đất phong phú: Đất feralit thích hợp với cây công nghiệp lâu năm. Đất phù sa thích hợp với cây công nghiệp hàng năm.  - Dân cư đông, lao động dồi dào, giá rẻ, có kinh nghiệm trồng cây công nghiệp.  - Thị trường tiêu thụ lớn, chính sách... |
| **II.Phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm đa dạng sinh học.**  - Sinh vật muốn phát triển và tồn tại cần hội tụ đầy đủ các yếu tố thích hợp: Nhiệt độ, nước, ánh sáng, đất đai, thức ăn... |
| - Sự biến đổi khí hậu toàn cầu làm các yếu tố trên bị biến đổi làm ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của các loài sinh vật và đa dạng sinh học.  - Cụ thể nhiều loài động, thực vật buộc phải thích nghi như: thay đổi sự phân bố, thời gian sống hoặc suy giảm, thậm chí tuyệt chủng do biến đổi khí hậu toàn cầu.  - Sự giảm sút đa dạng sinh học như vậy, cùng với sự giảm sút về chất lượng, diện tích rừng đã thúc đẩy sự gia tăng nhanh chóng biến đổi khí hậu toàn cầu. |
| **III.1Ý nghĩa của việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế.** |
| - Vùng đặc quyền kinh tế là vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm, tự do lưu thông hàng hải, hàng không.  - Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta giúp khai thác tài nguyên phát triển kinh tế.  - Tạo việc làm cho ngư dân.  - Khẳng định, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, góp phần giữ vững an ninh vùng biển của Tổ quốc. |
| 2.Phân tích ảnh hưởng của hình thể lãnh thổ nước ta tới hoạt động giao thông vận tải. |
| - Hình thể lãnh thổ nước ta tạo điều kiện cho phát triển nhiều loại hình giao thông vận tải.  - Đường bờ biển dài có nhiều vịnh biển thuận lợi cho phát triển giao thông đường biển, tạo mối liên hệ giao lưu trong nước và quốc tế...  - Lãnh thổ kéo dài nên việc tổ chức liên kết giao giao thông gặp nhiều khó khăn  - Bề mặt nhiều đồi núi gây khó khăn cho phát triển giao thông vận tải nhất là mùa mưa. |
| **IV.1.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy nêu sự khác biệt về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.**  - Vị trí: Vùng núi Trường Sơn Bắc từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. Vùng núi Trường Sơn Nam từ dãy Bạch Mã đến khối núi cực Nam Trung Bộ.  - Độ cao: Trường Sơn Bắc thấp hơn Trường Sơn Nam.  - Hướng địa hình: Vùng núi Trường Sơn Bắc có hướng TB - ĐN. Vùng núi  Trường Sơn Nam hướng vòng cung chủ đạo.  - Hình thái: Vùng núi Trường Sơn Bắc hẹp ngang, cao ở hai đầu, ở giữa thấp trũng là vùng đá vôi. Vùng núi Trường Sơn Nam có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông và sườn Tây.  **2. Tại sao vùng đồi núi nước ta địa hình bị xâm thực mạnh?**  - Vùng đồi núi chiếm ¾ diện tích cả nước, bề mặt địa hình bị chia cắt mạnh, độ  dốc khá lớn.  - Chế độ nhiệt, ẩm dồi dào, lượng nhiệt nhận được trong năm lớn, lượng mưa trung bình năm cao.  - Nhiều khu vực đồi núi bị mất lớp phủ thực vật.  - Lớp vỏ phong hóa dày nhưng được cấu tạo bởi các vật chất bở rời.  **V.1.Vẽ biểu đồ:**  \* Yêu cầu  - Vẽ chính xác: Biểu đồ kết hợp cột chồng và đường (sản lượng vẽ cột chồng, giá  trị sản xuất vẽ đường).  - Có chú giải, tên biểu đồ.  - Đảm bảo khoảng cách năm.  - Chính xác và đủ về số liệu trên biểu đồ.  **2. Nhận xét và giải thích**  \* Nhận xét:  - Giá trị sản xuất thủy sản tăng nhanh trong giai đoạn 2005- 2010 tăng 2,4 lần *(tăng lên 89492 tỉ đồng)*  - Giá trị sản xuất thủy sản tăng không đều. Từ năm 2005 đến 2006 tăng 1,16 lần *(10815 tỉ đồng).* Từ năm 2006 đến 2007 tăng 1,2 lần *(15201 tỉ đồng)*  \* Giải thích:  - Do sản lượng ngành thủy sản tăng.  - Do chính sách hợp lí, công nghệ chế biến...  - Giá trị sản xuất thủy sản tăng nhanh chủ yếu do nước ta đã mở rộng thị trường tiêu thụ ...  - Giá trị sản xuất thủy sản tăng không đều chủ yếu là do biến động của thị trường thế giới. |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC  **TRƯỜNG THPT YÊN LẠC 2** | **KÌ THI KSCL ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI KHỐI 12**  **ĐỀ THI MÔN ĐỊA LÍ NĂM HỌC 2018 - 2019**  *Thời gian làm bài 180 phút, không kể thời gian giao đề.* |

**Câu 1 (1,0 điểm).** [Phân tích các nguyên nhân](https://vndoc.com/dia-ly-lop-12) làm cho tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị phá vỡ.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Trình bày ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu nước ta. Tại sao việc xử lí các sự cố môi trường biển thường gặp nhiều khó khăn?

**Câu 3 (1,0 điểm).** Phân tích ảnh hưởng của địa hình tới khí áp và nhiệt độ không khí.

**Câu 4 (1,0 điểm).** Cự li vận chuyển trung bình cho ta biết điều gì? Vì sao hiện nay ngành vận tải đường ô tô trở thành ngành có năng lực canh tranh lớn nhất so với các loại hình giao thông vận tải khác?

**Câu 5 (1,0 điểm).** Cho bảng số liệu:**Hiện trạng rừng nước ta giai đoạn 2000 – 2016.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2010** | **2012** | **2014** | **2016** |
| Tổng diện tích rừng (nghìn ha) | 10 915,6 | 13 388,1 | 13 862,0 | 13 796,5 | 14 377,7 |
| - Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha) | 9 444,2 | 10 304,8 | 10 423,8 | 10 100,2 | 10 242,1 |
| - Diện tích rừng trồng (nghìn ha) | 1 471,4 | 3 083,3 | 3 438,2 | 3 696,3 | 4 135,5 |
| Độ che phủ (%) | 32,9 | 39,5 | 40,7 | 40,4 | 41,2 |

a. Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 2000 – 2016 (chỉ nêu dạng biểu đồ, không vẽ).

b. NX, giải thích về sự biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 2000 – 2016.

**Câu 6 (1,0 điểm).** Vì sao đồi núi nước ta phát triển dạng địa hình xâm thực?

**Câu 7 (1,0 điểm).** Chứng minh sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tại sao sông ngòi miền Trung lại có 1 đợt lũ tiểu mãn?

**Câu 8 (1,0 điểm).** Nên các biểu hiện chính của biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì sao Việt Nam được nhận định là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay?

**Câu 9 (1,0 điểm).** Trình bày ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đến chế độ nhiệt của nước ta?

**Câu 10 (1,0 điểm).** Cho bảng số liệu sau: **Chế độ mưa của 3 địa điểm Hà Nội, Huế, TP.HCM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Hà Nội** | **Huế** | **Tp Hồ Chí Minh** |
| Tổng lượng mưa (mm) | 1676 | 2411 | 1851 |
| Tháng mưa cực đại (tháng, mm) | Tháng 8  (318 mm) | Tháng 10 (795mm) | Tháng 9  (327 mm) |
| Sự phân mùa: Mùa mưa (tháng) | 5 - 10 | 8 – 12 | 5 – 11 |

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích chế độ mưa của 3 địa điểm: Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh.

*.*

|  |
| --- |
| **Nội dung trả lời** |
| **1.Phân tích các nguyên nhân làm cho tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị phá vỡ.** |
| - Tính nhiệt đới bị phá vỡ: ngoài các loài của miền nhiệt đới, chúng ta còn có các loài của miền cận nhiệt và ôn đới. |
| - Vị trí địa lí: nằm trên đường di cư, di lưu của nhiều loài sinh vật (dẫn chứng). |
| - Địa hình chủ yếu là đồi núi, một bộ phận núi cao xuất hiện các vành đai cận nhiệt và ôn đới trên núi. |
| - Gió mùa: do tác động của gió mùa Đông Bắc làm cho miền Bắc có 1 mùa đông lạnh làm xuất hiện các loại sinh vật vùng cận nhiệt và ôn đới.  - Con người: chặt phá rừng, săn bắt quá mức dần làm mất đi tính ưu thế ổn định của các hệ sinh thái nhiệt đới. |
| **2.Trình bày ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu nước ta. Tại sao việc xử lí các sự cố môi trường biển thường gặp nhiều khó khăn?** |
| **\* Ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu nước ta:** |
| - Tăng ẩm cho các khối khí qua biển, giảm tính khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và dịu bớt tính nóng bức trong mùa hạ. |
| - Khí hậu mang tính chất hải dương, điều hòa hơn  - Nhiều thiên tai: bão, sạt lở bờ biển,…. |
| **\* Việc xử lí các sự cố môi trường biển thường gặp nhiều khó khăn do:** |
| - Thường ảnh hưởng trên diện rộng, khó xác định phạm vi, hậu quả thường khó dự đoán, kiểm soát. |
| - Việc huy động người, phương tiện, công cụ xử lí thường phức tạp và tốn kém hơn. |
| **3.Phân tích ảnh hưởng của địa hình tới khí áp và nhiệt độ không khí.** |
| **\* Ảnh hưởng của địa hình tới khí áp:** |
| - Theo độ cao: càng lên cao không khí càng loãng, sức nén xuống bề mặt đất giảm nên khí áp giảm và ngược lại. |
| **\* Ảnh hưởng của địa hình tới nhiệt độ:** |
| - Theo độ cao: càng lên cao nhiệt không khí càng giảm do càng cách xa bức xạ nguồn cung cấp nhiệt từ bức xạ mặt đất. |
| - Theo hướng sườn: sườn núi cùng cùng chiều với ánh sáng mặt trời có nhiệt độ thấp hơn do góc nhập xạ nhỏ. Sườn núi cùng ngược chiều với ánh sáng mặt trời có nhiệt độ cao hơn do góc nhập xạ lớn. |
| - Theo độ dốc: sườn đón nắng độ dốc càng lớn nhiệt càng cao, sườn khuất nắng độ dốc càng lớn nhiệt càng nhỏ. |
| **4.Cự li vận chuyển trung bình cho ta biết điều gì? Vì sao hiện nay ngành vận tải đường ô tô trở thành ngành có năng lực canh tranh lớn nhất so với các loại hình GTVT khác?** |
| **\* Cự li vận chuyển trung bình cho ta biết:** |
| - Công thức tính: cự li vận chuyển trung bình = Khối lượng luân chuyển/ Khối lượng vận chuyển. Đơn vị: km. |
| - Cho biết quãng đường thực tế đã vận chuyển.  - Khả năng vận chuyển của loại hình giao thông vận tải: đường ngắn, đường dài... |
| **Hiện nay ngành vận tải đường ô tô trở thành ngành có năng lực canh tranh lớn nhất so với các loại hình giao thông vận tải khác vì:** |
| - Có nhiều ưu điểm: tiện lợi, cơ động... *(dẫn chứng)* |
| - Sự phát triển khoa học kĩ thuật, những cải tiến về phương tiện vận tải và hạ tầng đã khắc phục được những nhược điểm của đường ô tô *(dẫn chứng)* |
| **5.a.Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 2000 – 2016. Nhận xét, giải thích về sự biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 2000 – 2016.** |
| - Biểu đồ kết hợp cột chồng và đường.  + Cột chồng: thể hiện diện tích rừng, diện tích rừng tự nhiên, diện tích rừng trồng.  + Đường: thể hiện độ che phủ. |
| **b.Nhận xét, giải thích về hiện trạng rừng nước ta giai đoạn 2000 – 2016.** |
| Nhìn chung trong giai đoạn 2000 - 2016, hiện trạng rừng nước ta có nhiều biến động  - Tổng diện tích rừng có xu hướng tăng, nhưng không ổn định *(diễn giải, dẫn chứng)* |
| - Diện tích rừng tự nhiên nhìn chung có xu hướng tăng*( dẫn chứng)* do tăng cường khoanh nuôi, bảo vệ rừng; nhưng giảm vào năm 2014 *( dẫn chứng)* do hậu quả của việc phát triển nóng diện tích cây cao su và do cháy rừng. |
| - Diện tích rừng trồng tăng liên tục, tốc độ tăng ổn định và nhanh hơn nhiều so với rừng tự nhiên *(dẫn chứng)* dothời gian qua nước ta đẩy mạnh công tác trồng rừng. |
| **6.Đồi núi nước ta phát triển dạng địa hình xâm thực vì:** |
| \* Biểu hiện địa hình xâm thực ở vùng đồi núi nước ta: mương xói, khe rãnh, các dòng chảy tạm thời, các thung lũng sông, các dạng địa hình cacxtơ… |
| **\* Nguyên nhân:**  - Điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (nhiệt độ cao, lượng mưa lớn, hai mùa mưa khô rõ rệt, …), làm cho các quá trình phong hóa lí học, hóa học, sinh học diễn ra mạnh. |
| - Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, độ dốc lớn, cấu trúc phức tạp,… nên quá trình xâm thực mạnh, nhất là nơi mất lớp phủ thực vật. |
| - Ngoài ra, tác động của con người phá huỷ lớp phủ thực vật trên mặt làm tăng cường độ dòng chảy mặt .... |
| **7.Chứng minh sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tại sao sông ngòi miền Trung lại có 1 đợt lũ tiểu mãn?** |
| **\* Chứng minh sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.** |
| - Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc *(dẫn chứng)* |
| - Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa *(dẫn chứng)* |
| - Chế độ nước theo mùa, diễn biến thất thường *(dẫn chứng)* |
| **\* Sông ngòi miền Trung lại có 1 đợt lũ tiểu mãn vì:** |
| Lũ Tiểu mãn của miền Trung rơi vào tháng 5, 6 là do vào nửa đầu mùa hè, khối khí nhiệt đới có nguồn gốc từ Bắc Ấn Độ Dương đi qua vùng biển xích đạo và thổi vào nước ta theo hướng Tây Nam. Khi tới miền Trung, nó trút mưa bên sườn Tây. Một phần nước ở thượng nguồn phía Tây đổ vào sông ngòi phía Đông và tạo ra một đợt lũ nhỏ. |
| **8.Nêu các biểu hiện chính của biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì sao VN được nhận định là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay?** |
| **\* Nêu các biểu hiện chính của biến đổi khí hậu toàn cầu.** |
| - Nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng, Trái Đất nóng lên (dẫn chứng). |
| - Nước biển dâng, gia tăng thiên tai... (dẫn chứng) |
| **\* Việt Nam được nhận định là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay vì:** |
| - Việt Nam là 1 quốc gia nhiệt đới có đường bờ biển dài, dải đồng bằng thấp phân bố ven biển. Việt Nam là nước có nhiều thiên tai nhất là bão, hạn hán... Nên biến đổi khí hậu với những biểu hiện (...) tác động sâu sắc đến tự nhiên, kinh tế - xã hội. |
| - Việt Nam là nước đang phát triển, cơ sở hạ tầng yếu kém, đông dân, nhận thức dân cư về biến đổi khí hậu còn hạn chế nên biến đổi khí hậu thường gây hậu quả nghiêm trọng. |
| **9.Ảnh hưởng của gió mùa đông bắc đến chế độ nhiệt của nước ta.** |
| - Khái quát hoạt động của gió mùa Đông Bắc *(dẫn chứng)* |
| - Làm hạ thấp nền nhiệt trung bình năm của miền Bắc và cả nước.  - Làm hạ thấp nền nhiệt tháng 1 ở miền Bắc xuống dưới 180C tạo nên 1 mùa đông lạnh từ 2-3 tháng. |
| - Biên độ nhiệt tăng dần từ Bắc vào Nam. |
| - Nền nhiệt trung bình ở miền Bắc thấp hơn ở miền Nam. |
| **10.Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích chế độ mưa của 3 địa điểm: Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh.** |
| **\* Nhận xét:** |
| - Tổng lượng mưa trung bình của 3 địa điểm lớn: lớn nhất là Huế, rồi đến Tp Hồ Chí Minh, sau là Hà Nội *(dẫn chứng)*  - Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam *(dẫn chứng).* Lượng mưa lớn nhất là Huế rồi đến Tp Hồ Chí Minh và Hà Nội *(dẫn chứng).* |
| - Mùa mưa: Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh có thời gian mưa tương tự nhau vào mùa hạ (từ tháng 5 – 10), riêng Tp HCM kéo dài muộn hơn 1 tháng, Huế chậm hơn lệch về thu đông từ tháng 8 -12. |
| **\* Giải thích:** |
| - Huế: có tổng lượng mưa lớn nhất và tháng mưa cực đại lớn nhất do: chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố gây mưa như gió mùa Đông Bắc mạnh thổi qua biển, địa hình đón gió, bão, dải hội tụ nhiệt đới.  - Tp Hồ Chí Minh mưa nhiều hơn Hà Nội, tháng mưa cực đại lớn hơn do: mùa mưa dài hơn (tháng 5 -11); đón gió mùa Tây Nam sớm, mạnh và kết thúc muộn. |
| - Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam do dải hội tụ nhiệt đới lùi dần từ Bắc vào Nam.  - Nước ta chế độ mưa phân hóa theo mùa do chịu ảnh hưởng của gió mùa:  + Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh mưa mùa hạ do đây là thời kỳ gió mùa mùa hạ.  + Huế: mùa mưa lùi về thu đông do chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thổi qua biển, địa hình đón gió, bão, dải hội tụ nhiệt đới. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**  **ĐỀ THI CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **MÔN THI**: **ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 180 phút* |

**Câu I. (4,0 điểm)**

1.Trình bày nguyên nhân, hậu quả và giải pháp về vấn đề suy giảm tầng ô zôn. Hiện nay các nước phát triển gặp những khó khăn gì về mặt kinh tế xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?

2.Phân tích những thế mạnh để phát triển cây công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Để gia tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu các nước Đông Nam Á cần có biện pháp gì?

**Câu II. (4,0 điểm)**Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1.Trình bày vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước ta. Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế có ý nghĩa như thế nào?

2.Phân tích đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam. Đặc điểm đó có tác động như thế nào đến sự phân hóa khí hậu của vùng?

**Câu III. (4,0 điểm)**Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1.Trình bày đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất của đai nhiệt đới gió mùa chân núi của nước ta. Tại sao ở miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa chân núi lại có độ cao thấp hơn miền Nam.

2.Nêu nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta. Tại sao đồng bằng sông Hồng là vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất cả nước?

**Câu IV. (4,0 điểm)** Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình**  **tháng 1(0 C)** | **Nhiệt độ trung bình**  **tháng 7(0 C)** |
| Lạng Sơn | 13,3 | 27,0 |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 |
| Vinh | 19,7 | 29,4 |
| Huế | 21,3 | 29,1 |
| Quy Nhơn | 23,0 | 29,7 |
| TP Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 |

1.Nhận xét về sự tahy đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam. Giải thích nguyên nhân?

2.Phân tích sự phân bố dân cư nước ta theo lãnh thổ. Hãy cho biết những vấn đề đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở nước ta.

**Câu V. (4,0 điểm)**Cho bảng số kiệu sau:

LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ 2016 *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2016** |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 24351,5 | 22333,9 |
| Công nghiệp – xây dựng | 7785,3 | 13165,8 |
| Dịch vụ | 10405,9 | 17803,1 |
| Tổng số | 42542,7 | 53302,8 |

*(Nguồn” Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Tổng cục thống kê)*

1.Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện quy mô, cơ cấu lao đông phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và 2016

2.Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao đông phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2005 - 2016

==== HẾT ====

* *Thí sinh được sử dụng Atlat địa lí Việt Nam của nhà xuất bản giáo dục.*
* *Giám thị không giải thích gì thêm*

Họ và tên thí sinh:…………………………………….Chữ kí giám thị số 1:……………

|  |
| --- |
| **ĐÁP ÁN** |
| **I.1.Trình bày nguyên nhân, hậu quả và giải pháp về vấn đề suy giảm tầng ô dôn. Hiện nay các nước đang phát triển gặp những khó khăn gì về mặt kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề về môi trường?** |
| **\*Suy giảm tầng ô dôn.**  **-** Nguyên nhân:  + Hoạt động công nghiệp và sinh hoạt đã đưa vào khí quyển một lượng lớn khí thải.  + Sự gia tăng khí CFCs làm tầng ô dôn ngày càng mỏng dần và gây ra lỗ thủng.   * Hậu quả:   + Ảnh hưởng tới sức khỏe con người (gây ra các bệnh về da và mắt).  + Ảnh hưởng tới mùa màng, sinh vật.   * Biện pháp:   + Cắt giảm lượng khí CFCs trong sản xuất và sinh hoạt.  + Đổi mới công nghệ sản xuất, hạn chế dùng các loại bình xịt, bao bì bằng nhựa, xốp,...  **\*Các nước đang phát triển gặp những khó khăn:**  - Nền kinh tế còn chậm phát triển do thiếu vốn, thiếu khoa học kĩ thuật, chưa có kinh nghiệm và chưa chú trọng các vấn đề môi trường.  - Gánh nặng nợ nước ngoài, bùng nổ dân số vẫn còn tiếp diễn. Nhiều thiên tai, dịch bệnh. |
| **2.Phân tích những thế mạnh để phát triển cây công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Để gia tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu các nước Đông Nam Á cần có biện pháp gì?** |
| **\*Thế mạnh phát triển cây công nghiệp.**  - Điều kiện tự nhiên:  + Đất trồng có nhiều loại: đất feralit, đất ba dan màu mỡ thích hợp trồng các cây công nghiệp lâu năm.  + Khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo gió mùa và xích đạo với nguồn nhiệt ẩm cao.  + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc tưới tiêu.   * Kinh tế xã hội:   + Nguồn lao động dồi dào có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.  + Thị trường ngày càng được mở rộng, công nghiệp chế biến ngày càng phát triển.  **\*Biện pháp gia tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu.**  **-** Tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất.  **-** Nâng cao công nghệ chế biến, hướng tới không xuất khẩu các sản phẩm thô như hiện nay.  **-** Tăng cường các hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. |
| **II.1.Trình bày vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của nước ta. Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế có ý nghĩa như thế nào?** |
| **\*Vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của nước ta“**  **-** Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng tiếp giáp với lãnh hải, hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác vẫn có quyền: tự do hàng hải; tự do đặt dây cáp, ống dẫn dầu đi qua.  - Thềm lục địa: là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài. Giới hạn của thềm lục địa là rìa ngoài của lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí tài nguyên.  **\*Ý nghĩa của việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta tại vùng đặc quyền kinh tế.**  + Giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.  + Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho nhân dân (nhất là ở các huyện đảo).  + Khẳng định chủ quyền biển đảo nước ta.  + Góp phần giữ vững an ninh vùng biển tổ quốc |
| **2.Phân tích đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam. Đặc điểm đó tác động như thế nào đến sự phân hóa khí hậu của vùng?** |
| **\*Đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam:**  - Giới hạn: phía nam dãy Bạch Mã đến vĩ tuyến 11oB.  - Gồm các khối núi và cao nguyên.  - Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ.  Địa hình núi với những đỉnh cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông, sườn dốc chênh vênh bên dài đồng bằng hẹp ven biển.   * Tương phản với địa hình núi ở phía đông là các bề mặt cao nguyên badan Plây Ku, Đắk Lawsk, Mơ Nông, Di Linh tương đối bằng phẳng, có các độ cao khoảng 500 – 800 – 1000m, các bán bình nguyên xen đồi ở phía tây. * Tạo nên sự bất đối xứng rõ rệt giữa sườn Đông và sườn Tây.   **\*Địa hình tác động đến sự phân hóa khí hậu:**  - Tạo nên sự phân hóa khí hậu theo độ cao: phân hóa thành 2 đai.  + Đai nhiệt đới gió mùa: dưới 900 – 1000m, nền nhiệt cao, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi theo tùy từng nơi.  + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: từ 900 – 1000m đến 2600m, khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25oC, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng.   * Địa hình kết hợp với gió mùa tạo nên sự phân hóa khí hậu theo chiều Đông – Tây: giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ (dc). |
| **III.1.Trình bày đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất của đai nhiệt đới gió mùa chân núi của nước ta. Tại sao ở miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa chân núi lại có độ cao thấp hơn ở miền Nam.** |
| **\*Đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất của đai nhiệt đới gió mùa chân núi:**  - Miền Bắc: dưới 600 -700m, miền Nam: dưới 900 -1000m.  - Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt; mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi từ khô đến ẩm ướt.  - Đất phù sa chiếm 24% diện tích cả nước, gồm đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn, đất cát, ... Đất feralit vùng đồi núi thấp chiếm > 60% diện tích cả nước, phần lớn đất badan và đất đá vôi.  - Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh ở vùng núi thấp mưa nhiều, ẩm ướt, mặn, rừng tràm trên đất phèn, xa van, cây bụi gao).  **\*Miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa chân núi lại có độ cao thấp hơn ở miền Nam:**  - Miền Bắc (gần chí tuyến) lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc nên nền nhiệt độ thấp, tính chất nhiệt đới chấm dứt ở độ cao 600m – 700m.  - Miền Nam gần xích đạo, không bị ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nền nhiệt cao, vì vậy đến độ cao 900m – 1000m tính chất nhiệt đới mới chấm dứt. |
| **2.Nêu nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta. Tại sao đồng bằng sông Hồng là vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất nước ta?** |
| **\*Ngập lụt**  - Nguyên nhân  + Mưa lớn, mặt đất thấp, có đê sông đê biển bao bọc, mật độ xây dựng cao.  + Mưa bão, nước biển dâng, lũ nguồn và triều cường.   * Hậu quả: thiệt hại lớn về người và tài sản, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. * Biện pháp: Xây dựng các công trình tiêu nước, công trình ngăn mặn và triều cường.   **\*Đồng bằng sông Hồng là vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất nước ta.**  - Lưu vực rộng, lượng mưa lớn, do sông có dạng nan quạt nên lũ tập trung về dòng chính rất nhanh.  - Rừng đầu nguồn bị chặt phá làm giảm khả năng giữ nước  - Địa hình thấp, xung quanh có đê sông, đê biển bao bọc, chỉ có ba cửa sông đổ ra biển.  - Mức độ đô thị hóa cao, nhiều công trình xây dựng cản trở việc thoát nước. |
| **IV.1.Hãy nhận xét về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam. Giải thích nguyên nhân?** |
| **\*Nhận xét:**  - Nhiệt độ trung bình năm, tháng 1 đều tăng từ Bắc vào Nam, trong đó tháng 1 tăng rất nhanh, sự chênh lệch nhiệt độ khá lớn (Lạng Sơn và TP. Hồ Chí Minh là 12,5o).  - Nhiệt độ trung bình tháng 7: ít thay đổi từ Bắc vào Nam, nhiệt độ trung bình của Vinh cao hơn Huế và của Quy Nhơn cao hơn TP. Hồ Chí Minh. Sự chênh lệch nhiệt độ rất ít (Lạng Sơn và TP.HCM chỉ là 1,3o).  + Biên độ nhiệt lại giảm dần từ bắc vào nam (Lạng Sơn là 13,7o nhưng TP. Hồ Chí Minh chỉ là 1,3o).  **\*Giải thích:**  **-** Càng vào Nam càng gần xích đạo, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng lớn, nên nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc cũng yếu dần khi vào đến Huế, thời tiết chỉ còn se lạnh, vào đến phía Nam thì hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.  - Tháng 1 có sự chênh lệch nhiệt độ lớn từ Bắc vào Nam vì đây là thời kì hoạt động mạnh của gió mùa đông bắc ở phía Bắc.  - Tháng 7 do hoạt động của gió mùa mùa hè nên sự chênh lệch nhiệt ít. Huế và TP. Hồ Chí Minh do có lượng mưa nhiều nên nhiệt độ thấp hơn so với Vinh và Quy Nhơn.  - Biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam là do ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc yếu dần và khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh càng cách xa nhau. |
| **2.Phân tích sự phân bố dân cư nước ta theo lãnh thổ. Hãy cho biết những vấn đề cần đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở nước ta.** |
| **\*Phân tích sự phân bố dân cư:**  - Mật độ dân số trung bình năm 2006: 254 người/km2, nhưng phân bố chưa hợp lí giữa các vùng  - Chưa hợp lí giữa đồng bằng với trung du, miền núi (dc)  - Ngay trong nội bộ giữa các vùng (đồng bằng, trung du, miền núi) cũng có sự chênh lệch khá lớn. (dc)  - Chưa hợp lí giữa thành thị với nông thôn (dc)  **\*Những vấn đề cần đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở nước ta:**  - Chú ý phát triển mạng lưới đô thị lớn vì nó là trung tâm, hạt nhân phát triển của vùng. Đẩy mạnh đô thị hóa nông thôn.  - Đảm bảo sự cân đối giữa tốc độ, quy mô dân số, lao động với sự phát triển kinh tế xã hội của các đô thị.  - Có kế hoạch phát triển cân đối giữa kinh tế - xã hội với kết cấu hạ tầng đô thị.  - Quy hoạch hoàn chỉnh, đồng bộ đô thị để đảm bảo môi trường sống chất lượng hơn. |
| **V.1.Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô, cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và 2016** |
| **\*Xử lí số liệu:**  **-** Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2005 và năm 2016 (Đơn vị %)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2016** | | Nông lâm ngư nghiệp | 57,2 | 41,9 | | Công nghiệp – Xây dựng | 18,3 | 24,7 | | Dịch vụ | 24,5 | 33,4 | | Tổng số | 100,0 | 100,0 |  * Tính bán kính:   Coi R2005 = 1 đvbk   * R2016 = 1 x = 1 x = 1,12 đvbk   **\*Vẽ biểu đồ:**  - Vẽ biểu đồ tròn (các dạng khác không cho điểm)  - Yêu cầu:  + Hình tròn năm 2016 lớn hơn 2005  + Có kí hiệu, chú giải, ghi số liệu, tên biểu đồ.  (Nếu thiếu hoặc không đảm bảo các yêú tố trừ 0,25 điểm/ yếu tố) |
| **2.Nhận xét và giải thích:** |
| \*Nhận xét:  - Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế: nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất, tiếp đến là khu vực dịch vụ, thấp nhất là khu vực công nghiệp và xây dựng.  - Trong giai đoạn 2005 – 2016, cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế của nước ta theo sự chuyển dịch:  + Tỉ trọng lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm (dc)  + Tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp – xây dựng tăng chậm (dc)  + Tỉ trọng lao động trong khu vực dịch vụ tăng (dc)  ->Sự chuyển dịch trên là tích cực nhưng còn chậm.  \* Giải thích:  - Lao động trong ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất vì nước ta vẫn là nước đang phát triển, trình độ giới hóa thấp.  - Do nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại.  - Phù hợp với xu hướng chuyển dịch lao động của thế giới. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯNG YÊN**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT CẤP TỈNH**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **MÔN THI**: **ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Câu I (3,5đ)**

1.Trình bày vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp dệt may trên thế giới.

2.Liên hệ tình hình phát triển ngành công nghiệp dệt may tại địa phương.

**Câu II (3,5đ)**

1.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam (trang Khí hậu – phần khí hậu chung), nhận xét về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt, Nha Trang.

2.Giải thích sự khác biệt về chế độ mưa của hai địa điểm nói trên.

**Câu III (3,5đ)**

1.Gió mùa là gì? Nêu hoạt động của gió mùa mùa đông nước ta.

2.Gió mùa mùa đông có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu và hoạt động sản xuất nông nghiệp Việt Nam?

**Câu IV (3,5đ)**

1.Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện như thế nào ở thành phần sinh vật?

2.Tại sao sinh vật ở nước ta có sự phân hóa theo độ cao?

**Câu V (6,0đ)**Cho bảng số liệu sau: Tổng số dân và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 2006 – 2013

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân**  **(nghìn người)** | **Tỉ lệ tăng (%)** | **Nam**  **(nghìn người)** | **Nữ**  **(nghìn người)** |
| 2006 | 83311,2 | 1,12 | 40999,0 | 42312,2 |
| 2007 | 84218,5 | 1,09 | 41447,3 | 42771,2 |
| 2008 | 85118,7 | 1,07 | 41956,1 | 43162,6 |
| 2009 | 86025,0 | 1,06 | 42523,4 | 43501,6 |
| 2010 | 86932,5 | 1,05 | 42986,1 | 43946,4 |
| 2011 | 87840,0 | 1,04 | 43436,7 | 44403,3 |
| 2012 | 88772,9 | 1,06 | 43912,6 | 44860,3 |
| 2013 | 89759,5 | 1,07 | 44430,9 | 45328,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)*

1.Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tổng dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta giai đoạn 2006 – 2013.

2.Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét.

3.Nhận xét và giải thích nguyên nhân thay đổi cơ cấu dân số theo giới ở nước ta giai đoạn 2006 – 2013.

**----------------HẾT--------------**

Thí sinh được sử dụng Átlát Địa lí Việt Nam của NXB Giáo dục từ 2009.

Thí sinh không sử dụng tài liệu, Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **I.1.Trình bày vai trò, đặc điểm ngành công nghiệp dệt may trên thế giới.** |
| * Vai trò:   + Là một trong những ngành chủ đạo và quan trọng của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  + Giải quyết nhu cầu về may mặc, sinh hoạt cho người dân và một phần nguyên liệu cho các ngành công nghiệp nặng.  + Thúc đẩy nông nghiệp và các ngành công nghiệp nặng.  + Giải quyết việc làm cho lao động, nhất là lao động nữ.   * Phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển. Các nước phát triển mạnh là Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kì, Nhật Bản. * Phát triển dựa trên nguồn nguyên liệu tự nhiên và nhân tạo phong phú nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn. |
| **2.Liên hệ tình hình phát triển ngành công nghiệp dệt may tại địa phương.** |
| * Ngành CN dệt may đang có sự phát triển mạnh tại địa phương.🡪 HS kể tên một số nhà máy tại địa phương. * Phân bố rộng khắp tại các huyện, thành phố. * Góp phần quan trọng giải quyết việc làm và nâng cao mức sống. * Gần đây có xu hướng phát triển mạnh tại các khu vực nông thôn. * Sản phẩm đa dạng, đáp ứng các nhu cầu xuất khẩu và trong nước. |
| **II.1.Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam (trang Khí hậu – phần khí hậu chung), nhận xét về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt, Nha Trang.** |
| **Đà Lạt**   * Chế độ nhiệt:   + Không có sự phân mùa rõ rệt, nhiệt độ trong bình các tháng hầu hết <20o.  + Biên độ nhiệt trong năm nhỏ.   * Chế độ mưa có sự phân mùa rõ rệt.   + Mùa mưa: từ tháng 4 đến tháng 10  + Mùa khô: từ tháng 11 đến tháng 3.  **Nhà Trang**   * Chế độ nhiệt:   + Nhiệt độ trung bình năm cao, hầu hết các tháng đều >25oC.  + Biên độ nhiệt trung bình năm không lớn.   * Chế độ mưa có sự phân mùa sâu sắc   + Mùa mưa: từ tháng 9 đến hết tháng 12, lượng mưa tập trung.  + Mùa khô: từ tháng 1 đến tháng 8, lượng mưa ít. |
| **2.Giải thích sự khác biệt về chế độ mưa của hai địa điểm nói trên.** |
| * Vị trí địa lí của Đà Lạt nằm ở Tây Trường Sơn, Nha Trang nằm ở Đông Trường Sơn. Độ cao địa hình khác nhau. * Do tác động của gió mùa: Đà Lạt mưa chủ yếu do gió mùa Tây Nam (mùa hạ), Nha Trang mưa chủ yếu do gió Tín Phong, Đông Bắc và gió mùa Đông Bắc (thu đông) |
| **III.1.Gió mùa là gì? Nêu hoạt động của gió mùa mùa đông ở nước ta.** |
| **Gió mùa:** là gió thổi theo mùa, hướng gió ở hai mùa có chiều ngược lại nhau.  **Hoạt động của gió mùa mùa đông ở nước ta:**   * Thời gian: Từ tháng XI đến tháng IV năm sau. * Thổi thành từng đợt theo hướng đông bắc. * Phạm vi:   + Ảnh hưởng trực tiếp ở phía Bắc dãy Bạch Mã, cường độ giảm dần theo vĩ độ.  + Từ dãy Bạch Mã vào Nam, ảnh hưởng của gió mùa đông bắc không rõ rệt. |
| **2.Gió mùa mùa đông có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu và hoạt động sản xuất nông nghiệp Việt Nam?** |
| **Ảnh hưởng đến khí hậu:**   * Tạo nên một mùa đông lạnh ở miền Bắc, nền nhiệt hạ thấp.   + Đầu mùa: thời tiết lạnh khô.  + Nửa sau mùa đông: lạnh ẩm, mưa phùn.   * Gió mùa mùa đông kết hợp với gió Tín Phong bán cầu Bắc tạo nên mùa mưa muộn vào thu đông cho Duyên hải miền Trung.   **Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp:**   * Thuận lợi:   + Đa dạng hóa nông nghiệp: sản phẩm nông nghiệp cận nhiệt và ôn đới.  + Lượng mưa ẩm trong mùa đông giúp phát triển cây trồng.   * Khó khăn:   + Tạo nên tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp.  + Các hiện tượng thời tiết cực đoan (sương muối, băng giá, ...) |
| **IV.1.Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện như thế nào ở thành phần sinh vật?** |
| * Đai nhiệt đới gió mùa: gồm các hệ sinh thái nhiệt đới:   + Hệ sinh thái rùng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.  + Các hệ sinh thái rùng nhiệt đới gió mùa: rùng thường xanh, rùng rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô ...   * Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.   + Ở độ cao 600 – 700m đến 1600 – 1700m là các hệ sinh thái rùng cận nhiết đới lá rộng và lá kim.  + Ở độ cao trên 1600 – 1700m rùng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài.   * Đai ôn đới gió mùa trên núi: sinh vật nghèo nàn, chủ yếu là một số loài thực vật ôn đới. |
| **2.Tại sao sinh vật ở nước ta có sự phân hóa theo độ cao?** |
| * Đai nhiệt đới gió mùa chân núi: chủ yếu là các hệ sinh thái rừng nhiệt đới do phát triển trong điều kiện khí hậu nhiệt đới.   Tuy nhiên do độ ẩm thay đổi tùy nơi nên hình thành các hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm và rùng nhiệt đới khô ...   * Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi:   + Ở độ cao từ 600 – 700m đến 1600 – 1700m khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng hình thành các hệ sinh thái rùng cận nhiệt đới ẩm lá rộng và lá kim.  + Ở độ cao trên 1600 – 1700m, nhiệt độ tiếp tục giảm nên rừng phát triển kém, đã xuất hiện các loài cây ôn đới. Độ ẩm cao nên rêu, địa y phủ kín thân và cành cây.   * Đai ôn đới gió mùa trên núi: khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15oC, mùa đông xuống dưới 5oC nên sinh vật nghèo nàn, chủ yếu là các loài thực vật ôn đới. |
| **V.1.Vẽ biểu đồ** |
| **2.Nhận xét** |
| * Dân số nước ta tăng liên tục (dẫn chứng) * Tỉ lệ tăng dân số có sự biến động:   + Từ 2006 đến 2011: giảm (dẫn chứng)  + Từ 2011 đến 2013: tăng (dẫn chứng) |
| **3.Nhận xét và giải thích nguyên nhân thay đổi cơ cấu dân số theo giới** |
| * Xử lí bảng số liệu:   Cơ cấu dân số theo giới nước ta giai đoạn 2006 – 2013 (%)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng số** | **Nam** | **Nữ** | | 2006 | 100 | 49,21 | 50,79 | | 2007 | 100 | 49.21 | 50,79 | | 2008 | 100 | 49,29 | 50,71 | | 2009 | 100 | 49,43 | 50,57 | | 2010 | 100 | 49,45 | 50,55 | | 2011 | 100 | 49,45 | 50,55 | | 2012 | 100 | 49,47 | 50,53 | | 2013 | 100 | 49,50 | 50,50 | |
| * Nhận xét: cơ cấu dân số theo giới nước ta có sự thay đổi theo hướng:   + Giảm tỉ trọng giới nam (dẫn chứng)  + Giảm tỉ trọng giới nữ (dẫn chứng)   * Giải thích:   + Phong tục tập quán và tâm lí xã hội  + Các nhân tố khác (can thiệp của y học ...) |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH PHÚC**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HSG LỚP 12 NĂM HỌC 2018 - 2019**  **ĐỀ THI MÔN THI**: **ĐỊA LÍ - THPT**  *Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Câu 1:** Phân tích nguyên nhân sinh ra tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp và nêu biện pháp để khắc phục tình trạng này.

**Câu 2**: Trình bày đặc điểm chung của các ngành công nghiệp trí tuệ. Tại sao Nhật Bản lại chú trọng phát triển các nhành công nghiệp trí tuệ?

**Câu 3:**  Cho bảng số liệu sau:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1995 – 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** |
| Tổng số dân (triệu người) | 1211,2 | 1267,4 | 1307,6 | 1340,9 |
| Số dân thành thị (triệu người) | 351,3 | 458,8 | 562,3 | 669,1 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số (%) | 1,1 | 0,8 | 0,6 | 0,5 |

*(Nguồn: Key Indicators for Asia and the Pacific 2012)*

Để thể hiện tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn 1995 – 2010, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất? Nhận xét và giải thích về tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn trên.

**Câu 4:** Trình bày những thách thức đối với ASEAN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 5:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc. Đặc điểm địa hình đó có ảnh hưởng như thế nào tới đặc điểm sông ngòi của vùng?

**Câu 6:**  Những thiên tai của Biển Đông có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

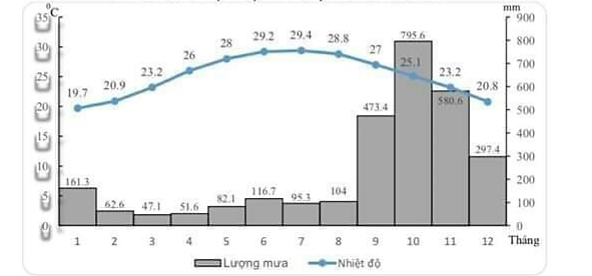
**Câu 7:** Phân tích vai trò của địa hình đối với sự phân hóa thiên nhiên nước ta.

**Câu 8:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy xác định hướng di chuyển, thời gian hoạt động, phạm vi ảnh hưởng của bão và gió Tây khô nóng ở nước ta.

**Câu 9:**  Chứng minh thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo quy luật đai cao và quy luật địa ô. Tại sao có sự phân hóa đó?

**Câu 10:**  Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở HUẾ



Từ biểu đồ trên , hãy nhận xét và giải thích về nhiệt độ và lượng mưa ở Huế.

-------Hết-------

|  |
| --- |
| **Nội dung** |
| **1.Phân tích nguyên nhân sinh ra tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp và nêu biện pháp để khắc phục tình trạng này.** |
| * Nguyên nhân:   + Thời gian sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi tương đối dài, không giống nhau và thông qua hàng loạt giai đoạn kế tiếp nhau.  + Thời gian sản xuất bao giờ cũng dài hơn thời gian lao động cần thiết để tạo ra sản phẩm cây trồng hơn vật nuôi.   * Biện pháp khắc phục:   + Xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí, đa dạng hóa sản xuất (tăng vụ, xen canh, gối vụ).  + Phát triển ngành nghề dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. |
| **2.Trình bày đặc điểm chung của các ngành công nghiệp trí tuệ. Tại sao Nhật Bản lại chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trí tuệ?** |
| * Đặc điểm chung của các ngành công nghiệp trí tuệ:   + Mới phát triển trong những thập niên gần đây, phân bố chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển.  + Sử dụng ít nguyên liệu và lao động, ít gây ô nhiễm môi trường. Yêu cầu cao về khoa học kĩ thuật, lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao (công nhân tri thức là chủ yếu).   * Nhật bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trí tuệ vì:   + Nhật Bản là nước nghèo tài nguyên khoáng sản, phải nhập nhiều nguyên, nhiên liệu nên phụ thuộc các nước khác: Nhật Bản có lợi thế về nguồn lao động có trình độ và tay nghề cao.  + Việc phát triển các ngành công nghiệp trí tuệ phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của thế giới, đem lại hiệu quả kinh tế cao. |
| **3.Để thể hiện tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn 1995 – 2010, dạng biểu đồ nào là thích hợp nhất? Nhận xét và giải thích về tình hình phát triển dân số Trung Quốc giai đoạn trên.** |
| * Dạng biểu đồ thích hợp nhất: biểu đồ kết hợp (cột chồng và đường). * Nhận xét:   + Tổng dân số Trung Quốc tăng liên tục (dẫn chứng)  + Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng liên tục nhưng vẫn còn thấp (dẫn chứng)  + Tỉ lệ gia tăng dân số giảm liên tục (dẫn chứng).   * Giải thích:   + Dân số tăng do quy mô dân số đông, số người trong độ tuổi sinh cao.  + Dân số thành thị tăng cả về số lượng và tỉ lệ do tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng mạnh. Tỉ lệ dân thành thị vẫn còn thấp do quá trình đô thị hóa muộn.  + Tỉ lệ gia tăng dân số giảm do chính sách dân số rất triệt để. |
| **4.Trình bày những thách thức đối với ASEAN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.** |
| * Trình độ phát triển còn chênh lệch: trình độ phát triển kinh tế, GDP bình quân đầu người của Xin- ga- po rất cao, còn ở nhiều nước lại rất thấp (Mi- an- ma, Cam- pu- chia, Lào, ...) * Vẫn còn tình trạng đói nghèo, đây là thực trạng ở các quốc gia trong ASEAN, mặc dù mức độ đói nghèo ở mỗi quốc gia có khác nhau. * Các vấn đề xã hội phức tạp: đô thị hóa trong khu vực diễn ra nhanh, vấn đề tôn giáo, sự hòa hợp dân tộc trong mỗi quốc gia, dịch bệnh, thất nghiệp, phát triển nhân lực, đào tạo nhân tài. * Việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường chưa hợp lí. |
| **5.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc. Đặc điểm địa hình đó có ảnh hưởng như thế nào tới đặc điểm sông ngòi của vùng?** |
| * Đặc điểm chung của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc:   + Giới hạn: từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.  + Độ cao, hình dạng: chủ yếu là đồi núi thấp và hẹp ngang.  + Hướng núi: song song và so le hướng tây bắc – đông nam.  + Hướng nghiêng: Tây bắc – đông nam.   * Cấu trúc: Địa hình cao ở hai đầu (phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An, phía nam là vùng núi Tây Thừa Thiên – Huế), thấp trũng ở giữa (Quảng Bình, Quảng Trị). * Ảnh hưởng của địa hình tới đặc điểm sông ngòi:   + Hướng núi và hướng nghiêng quy định hướng sông ngòi: sông ngòi chủ yếu là hướng tây bắc- đông nam (sông Cả, sông Gianh ...)  + Sông ngòi thường ngắn và dốc, diện tích lưu vực nhỏ.  + Chế độ nước sông lên nhanh, rút nhanh, khả năng bồi tụ thấp. |
| **6.Những thiên tai của Biển Đông có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?** |
| * Bão:   + Mỗi năm trung bình có 9 – 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3- 4 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta.  + Bão kèm theo mưa lớn, sóng lừng, lũ lụt gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.   * Sạt lở bờ biển: hiện tượng sạt lở bờ biển đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển miền Trung, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất và đời sống. * Các hiện tượng cát bay, cát chảy ở ven biển miền Trung lấn chiếm ruộng vườn, làm giảm diện tích đất canh tác, hoang mạc hóa đất đai. |
| **7.Phân tích vai trò của địa hình đối với sự phân hóa thiên nhiên nước ta.** |
| * Địa hình là bề mặt làm phân hóa các thành phần tự nhiên khác, biểu hiện trước hết ở sự phân phối lại tương quan nhiệt ẩm, từ đó tác động đến mạng lưới sông ngòi, ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất và lớp phủ thực vật. * Phân hóa theo Bắc – Nam: dãy Bạch Mã kết hợp với gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính gây ra sự phân hóa đó. * Phân hóa theo Đông – Tây: các dạng địa hình (vùng biển và thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi núi) và hướng địa hình là cơ sở cho sự phân hóa từ đông sang tây * Phân hóa theo độ cao: độ cao địa hình là nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao. |
| **8.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy xác định hướng di chuyển, thời gian hoạt động, phạm vi ảnh hưởng của bão và gió Tây khô nóng ở nước ta.** |
| * Bão:   + Hướng: các cơn bão đến nước ta đều từ phía đông (Biển Đông) sau đó bão di chuyển theo hướng tây, tây bắc, thậm chí cả hướng tây nam.  + Thời gian hoạt động:thường bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 12, trong đó tần suất mạnh nhất là tháng 9. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.  + Phạm vi ảnh hưởng: chủ yếu ở các tỉnh ven biển, nhất là ven biển miền Trung.   * Gió Tây khô nóng:   + Hướng: chủ yếu là tây nam  + Thời gian hoạt động: đầu mùa hạ  + Phạm vi ảnh hưởng: Bắc Trung Bộ, Tây Bắc |
| **9.Chứng minh thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo quy luật đai cao và quy luật địa ô. Tại sao có sự phân hóa đó?** |
| * Quy luật đai cao:   + Biểu hiện: thiên nhiên phân hóa theo quy luật đai cao (đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi, đai ôn đới gió mùa trên núi).  + Nguyên nhân: do ảnh hưởng của độ cao địa hình làm cho khí hậu thay đổi, kéo theo các thành phần tự nhiên cũng thay đổi theo.   * Quy luật địa ô:   + Biểu hiện: thiên nhiên phân hóa theo quy luật địa ô (Đông – Tây): từ Đông sang Tây thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 đai rõ rệt (dẫn chứng), sự phân hóa giữa Đông Bắc và Tây Bắc, giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên.  + Nguyên nhân: chủ yếu do tác động của gió mùa kết hợp với hướng của các dãy núi và ảnh hưởng của biển tới các vùng khác nhau |
| **10.Từ biểu đồ trên, hãy nhận xét và giải thích về nhiệt độ và lượng mưa ở Huế.** |
| * Nhận xét:   + Nhiệt độ trung bình năm cao (25,1oC)  + Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 (19,7oC), tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7 (29,4oC)  + Biên độ nhiệt độ khá cao (9,7oC)  + Tổng lượng mưa cả năm lớn (2867,7mm)  + Lượng mưa có sự phân mùa rõ rệt (mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 1 năm sau, mùa khô từ tháng 2 đến tháng 7). Mưa nhiều vào mùa thu, đông.   * Giải thích:   + Huế có nhiệt độ trung bình năm cao do nằm trong khu vực nhiệt đới nội chí tuyến bán cầu Bắc.  + Trong biến trình nhiệt có 1 tháng dưới 20oC do vẫn còn chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu dần.  + Mưa nhiều vào mùa thu, đông do ảnh hưởng của địa hình đón gió hướng đông bắc thổi qua biển, dài hội tụ nhiệt đới và bão. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **NAM ĐỊNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **THÀNH LẬP ĐỘI TUYỂN DỰ THI HSG QUỐC GIA**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **Môn: ĐỊA LÍ**  **Đề số: 01**  Thời gian làm bài: 180 phút. |

**Câu 1: (3,0 điểm)**

1. So sánh và giải thích chế độ mưa của kiểu khí hậu xích đạo và kiểu khí hậu ôn đới hải dương.
2. Tại sao sự phân bố của các thành phần tự nhiên và cảnh quan tự nhiên vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới?

**Câu 2: (2,0 điểm)**

1. Các nước đang phát triển gặp những khó khăn gì về mặt kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?
2. Tại sao dân cư, nguồn lao động được coi là nguồn lực quan trọng, quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế?

**Câu 3: (3,0 điểm)**

*“Mặc dù gió mùa có làm đảo lộn sự ổn định của khí hậu vùng nội chí tuyến nhưng không xoá nổi tính chất nóng ẩm của khí hậu nước ta”*. Em hãy làm rõ nhận định trên.

**Câu 4: (3,0 điểm)**

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh đặc điểm sông ngòi giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
2. Tại sao thủy chế sông ngòi nước ta theo mùa và có tính thất thường?

**Câu 5: (3,0 điểm)**

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh và giải thích đặc điểm mạng lưới đô thị của Trung du miền núi Bắc Bộ và vùng Đông Nam Bộ.
2. Tại sao đô thị hóa bền vững trở thành mục tiêu quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

**Câu 6: (3,0 điểm)**

1. Cho bảng số liệu sau: Tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000 - 2015

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Giá trị sản xuất thủy sản (nghìn tỷ đồng) | | | Sản lượng thủy sản (nghìn tấn) | | |
| Tổng | Khai thác | Nuôi trồng | Tổng | Khai thác | Nuôi trồng |
| 2000 | 38,7 | 22,9 | 15,8 | 2250,9 | 1660,9 | 590,0 |
| 2010 | 153,1 | 58,8 | 94,3 | 5142,7 | 2414,4 | 2728,3 |
| 2015 | 254,1 | 94,6 | 159,5 | 6582,1 | 3049,9 | 3532,2 |

*(Niên giám thống kê 2016, NXB Thống kê 2017)*

Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta trong giai đoạn trên.

1. Tại sao trong phát triển ngành thủy sản nước ta phải đẩy mạnh ngành nuôi trồng thủy sản và đánh bắt xa bờ?

**Câu 7: (3,0 điểm)**

1. Tại sao nói việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển đảo có vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?
2. Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ?

**-HẾT-**

|  |
| --- |
| **Yêu cầu** |
| ***1.a) So sánh và giải thích chế độ mưa của kiểu khí hậu xích đạo và kiểu khí hậu ôn đới hải dương.*** |
| - Giống nhau: mưa quanh năm  - Khác nhau:  + Kiểu khí hậu xích đạo có mưa lớn, đều quanh năm;  + Kiểu khí hậu ôn đới hải dương có lượng mưa ít hơn và thất thường.  - Giải thích:  + Xích đạo mưa quanh năm, lớn, đều do đây là vùng có nhiệt độ cao quanh năm, kết hợp với diện tích đại dương lớn làm cho lượng mưa đối lưu nhiệt phát triển mạnh; do ảnh hưởng của áp thấp xích đạo, có dòng biển nóng, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới với tầng ẩm dày.  + Kiểu khí hậu ôn đới hải dương có mưa quanh năm, nhưng lượng mưa ít và thất thường hơn do vùng chịu ảnh hưởng của áp thấp ôn đới, gió Tây ôn đới, dòng biển nóng, frông ôn đới và frông cực hoạt động. Song các yếu tố gây mưa trên đều có diễn biến thất thường và sự diễn biến thất thường này đã dẫn đến sự thất thường trong chế độ mưa. |
| ***b) Tại sao sự phân bố của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí tự nhiên vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới?*** |
| - Các thành phần tự nhiên và các cảnh quan địa lí tự nhiên vừa chịu sự tác động của nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời, vừa chịu tác động của nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.  - Sự phân bố theo đới của năng lượng bức xạ mặt trời đã gây ra tính địa đới của nhiều thành phần và cảnh quan địa lí trên Trái Đất (các đới khí hậu, các thảm thực vật theo vĩ độ…);  - Nguồn năng lượng bên trong của Trái Đất đã tạo nên sự phân chia bề mặt Trái Đất thành lục địa, đại dương và địa hình núi cao:  + Sự phân bố đất liền, đại dương làm cho khí hậu ở lục địa phân hóa từ đông sang tây: càng vào trung tâm lục địa, tính chất lục địa càng tăng. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến làm cho khí hậu khác nhau theo chiều đông tây.  + Địa hình núi cao tạo nên sự thay đổi của chế độ nhiệt ẩm theo độ cao -> làm các thành phần tự nhiên khác (thổ nhưỡng, sinh vật) và toàn bộ cảnh quan thay đổi theo độ cao. |
| ***2.a) Các nước ĐPT gặp khó khăn về kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?*** |
| - Về kinh tế: Đây là các nước nghèo, chậm phát triển, hạn chế vềnguồn vốn và kĩ thuật, công nghệ cao; thiếu lao động có kĩ thuật; gánh nợ nước ngoài lớn, hậu quả của chiến tranh và xung đột triền miên...  - Về xã hội: dân cư đông, dân số tăng nhanh, bùng nổ dân số trong nhiều năm, nạn đói, dịch bệnh, chất lượng cuộc sống thấp...  -> Tất cả khó khăn trên đã làm cho vấn đề môi trường của các nước đang phát triển bị hủy hoại trầm trọng (khai thác tài nguyên thiên nhiên lãng phí, việc khai thác mà chưa chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguồn tài nguyên -> làm tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm; các công ty xuyên quốc gia lợi dụng những khó khăn về kinh tế để bóc lột tài nguyên...). |
| ***b) Tại sao dân cư, nguồn lao động được coi là nguồn lực quan trọng, quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế?*** |
| - Dân cư, lao động với hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm, tạo ra tăng trưởng; là yếu tố đầu vào của hoạt động kinh tế.  - Dân cư, lao động đồng thời tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ, tham gia vào việc tạo nhu cầu của nền kinh tế. Quy mô và cơ cấu tiêu dùng của dân cư góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế. |
| ***3.“Mặc dù gió mùa có làm đảo lộn sự ổn định của khí hậu nội chí tuyến nhưng không xoá nổi tính chất nóng ẩm của khí hậu nước ta”. Em hãy làm rõ nhận định trên.*** |
| - Khí hậu nội chí tuyến được thể hiện qua: nhiệt độ cao, bức xạ lớn, gió tín phong hoạt động thường xuyên, ổn định, lượng mưa trung bình, phân mùa chủ yếu theo lượng mưa nhưng không rõ rệt.  - Gió mùa làm đảo lộn sự ổn định khí hậu nội chí tuyến  + Biểu hiện:  .Gió mùa đông bắc làm nền nhiệt của nước ta bị hạ thấp, đặc biệt là ở miền Bắc với 2-3 tháng có nhiệt độ dưới 180C, làm xuất hiện frông và tạo ra nhiều kiểu thời tiết không đặc trưng ở vùng nội chí tuyến (DC/).  .Gió mùa tây nam cùng với hoạt động của DHTNĐ kết hợp với địa hình đa dạng ở nước ta đã tạo ra nhiều hình thái mưa ở từng khu vực. Điều này cũng tạo ra sự khác biệt so với kiểu thời tiết ở vùng nội chí tuyến.  .Hoạt động của các loại gió theo mùa có hướng và tính chất trái ngược nhau tạo ra sự phân chia mùa rõ rệt (thậm chí là tương phản) và khác nhau giữa các vùng trong cả nước (dẫn chứng).  .Gió mùa cũng tạo nên một số hiện tượng thời tiết bất thường (dẫn chứng) làm giảm sự ổn định của khí hậu nội chí tuyến.  + Nguyên nhân:  .Do vị trí nước ta nằm trong vùng hoạt động gió mùa châu Á điển hình, các loại gió mùa xuất phát ở các khu vực khác nhau, tính chất của gió mùa có sự khác biệt với gió tín phong (phân tích: Gió mùa đông bắc tạo kiểu thời tiết lạnh khô, thậm chí tuyết rơi, sương muối, rét đậm, rét hại…; Gió mùa Tây nam hoạt động cùng dải hội tụ nội chí tuyến gây mưa ngâu ở miền Bắc, mưa lớn ở miền Trung, mưa dài và lớn ở miền Nam, gây bão lụt thường xuyên hơn).  .Hoạt động luân phiên của 2 loại gió mùa với hướng và tính chất trái ngược kết hợp với địa hình tạo ra sự phân mùa rất rõ rệt và khác nhau ở từng khu vực (dẫn chứng).  - Gió mùa không xoá nổi tính chất nóng ẩm của khí hậu nước ta:  + Biểu hiện:  .Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước là 200C (vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới). Kể cả khu vực chịu tác động mạnh nhất của GMĐB thì nhiệt độ TB năm vẫn trên 200C (Lạng Sơn). Tổng lượng bức xạ lớn và cân bằng bức xạ luôn dương quanh năm (dẫn chứng).  .Tính chất ẩm vẫn được bảo toàn: lượng mưa trung bình 1500 – 2000mm, cân bằng ẩm dương, độ ẩm tương đới TB 80%.  .Hoạt động của gió tín phong vẫn diễn ra trong cả năm, xen kẽ với các đợt gió mùa, hoạt động độc lập, ổn định ở miền Nam từ tháng 11 – tháng 4 năm sau.  + Nguyên nhân: Gió mùa đông bắc chỉ hoạt động từng đợt, không liên tục và nhanh chóng bị biến tính khi xuống phía Nam. Gió mùa Tây nam hoạt động trong mùa hạ, bản chất vẫn là gió tín phong hoặc xuất phát trong vùng nội chí tuyến. |
| ***4.a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh đặc điểm sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.*** |
| \* Giống nhau: Mạng lưới sông ngòi dày đặc, các hệ thống sông lớn có hướng chảy TB- ĐN, đều đổ nước ra biển Đông. Thủy chế sông ngòi theo mùa. Sông ngòi phân hóa theo lãnh thổ.  \* Khác nhau  - Sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với Tây Bắc và BTB  + Mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, có hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình.  + Đặc điểm hình thái: Nhiều sông dài hơn, sông có diện tích lưu vực lớn hơn, hướng chảy chủ yếu là TB-ĐN (dc), ngoài ra một số sông có hướng vòng cung (dẫn chứng), sông nhiều phụ lưu, ít chi lưu. Phần lớn sông chảy trên vùng đồi núi thấp, một phần chảy trên vùng đồng bằng, lòng sông mở rộng, uốn khúc mạnh.  + Sông nhiều nước, sông Hồng có lượng nước lớn nhận từ bên ngoài lãnh thổ, sông ngòi vùng Đông bắc lượng nước ít hơn (do chảy trên vùng núi đá vôi, lượng thấm cao), hàm lượng phù sa của sông ngòi cao.  + Thủy chế theo mùa, mùa lũ từ tháng 6-10 (dẫn chứng), mùa kiệt từ tháng 11- đến tháng 4 năm sau (trùng với mùa mưa khô của vùng).  - Sông ngòi miền TB và BTB  + Mạng lưới sông dày đặc hơn. Có hệ thống sông lớn tiêu biểu trong vùng là sĐà, sông Mã, sông Cả.  + Đặc điểm hình thái: phần lớn là sông nhỏ, ngắn dốc ở Bắc Trung Bộ. Diện tích lưu vực nhỏ hớn hơn. Sông chảy theo 2 hướng chính là TB- ĐN và hướng Tây - Đông.  + Sông khá nhiều nước, phần lớn có nguồn cung cấp nước trong lãnh thổ. Thủy chế sông ngòi theo mùa nhưng có sự khác nhau giữa TB và BTB (dẫn chứng)  + Sông ngòi có sự phân hóa rõ về lãnh thổ: sông ngòi vùng núi Tây Bắc và sông ngòi vùng Bắc Trung Bộ (dẫn chứng). |
| ***b) Tại sao thủy chế sông ngòi nước ta theo mùa và có tính thất thường?*** |
| - Thủy chế theo mùa: do nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông ngòi là nước mưa, mà chế độ mưa theo mùa (phân tích)…  - Tính thất thường do chế độ mưa thất thường và do đặc điểm hình thái của địa hình tăng cường tính thất thường của chế độ nước sông (phân tích) |
| ***5.a.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân biệt đặc điểm mạng lưới đô thị của Trung du miền núi Bắc Bộ với vùng Đông Nam Bộ và giải thích.*** |
| - Phân biệt:  + Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ (TDMNBB) có số lượng đô thị nhiều hơn, nhưng chủ yếu là đô thị nhỏ, quy mô dân số ít, chức năng đô thị chủ yếu mang tính chất hành chính văn hóa (dẫn chứng).  + Vùng Đông Nam Bộ (ĐNB) có số lượng đô thị ít hơn, nhiều đô thị lớn, quy mô dân số đô thị đông, chức năng đô thị đa dạng (dẫn chứng).  - Giải thích:  Sự khác nhau về đặc điểm mạng lưới đô thị giữa TDMNBB và ĐNB chủ yếu do sự khác nhau về cơ cấu đơn vị hành chính, trình độ phát triển, lịch sử phát triển của ngành công nghiệp, cơ cấu ngành công nghiệp và ngành dịch vụ… của mỗi vùng khác nhau:  + TDMNBB có nhiều đơn vị hành chính hơn, công nghiệp và dịch vụ kém phát triển hơn (phân tích: thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng -> phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, công nghiệp luyện kim, công nghiệp năng lượng…-> hình thành nhiều điểm công nghiệp-> động lực hình thành các đô thị -> số lượng đô thị tăng; nhưng trong cơ cấu ngành công nghiệp của vùng chủ yếu là ngành công nghiệp nặng, cần ít lao động -> hạn chế việc thu hút dân cư vào các đô thị -> quy mô dân số đô thị ít; kinh tế chưa phát triển mạnh, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ -> đô thị chủ yếu mang chức năng hành chính, văn hóa là chủ yếu).  + Đông Nam bộ có ít đơn vị hành chính hơn, nhưng kinh tế phát triển mạnh hơn, đặc biệt có ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển mạnh hàng đầu cả nước hình thành những trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn với cơ cấu ngành nghề đa dạng, đặc biệt có nhiều ngành công nghiệp cần nhiều lao động như ngành công nghiệp CBLTTP, SXHTD… thu hút dân cư đô thị đông, tạo tiền đề hình thành các đô thị lớn, quy mô dân số đô thị đông và có chức năng kinh tế là chủ yếu. |
| 1. ***Tại sao đô thị hóa bền vững trở thành mục tiêu quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế xã hội của nước ta?*** |
| - Hiện trạng quá trình đô thị hóa nước ta: Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp; tỷ lệ thị dân thành thị tăng nhưng còn chậm và vẫn thấp hơn so với các nước khác trong khu vực và trên thế giới; phân bố đô thị không đều trên lãnh thổ.  - Nếu đô thị hóa không bền vững, không gắn với sự phát triển kinh tế, đặc biệt quá trình đô thị hóa sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng (tình trạng thiếu việc là, vấn đề nhà ở, kết cấu hạ tầng đô thị quá tải, ô nhiễm môi trường, xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội…).  - Ngược lại nếu đô thị hóa bền vững, phát triển gắn liền với quá trình công nghiệp hóa sẽ mang lại những tác động tích cực  + Kinh tế: góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhất là công nghiệp và dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm…  + Xã hội: tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, làm chậm mức sinh và gia tăng tự nhiên, giảm tác động gây ô nhiễm môi trường. |
| ***6.a) Phân tích tình hình phát triển thủy sản nước ta giai đoạn 2000 - 2015 qua bảng số liệu.*** |
| \* Về giá trị ngành thủy sản  - Quy mô và tốc độ tăng trong giai đoạn….  + Tốc độ tăng….-> so sánh tốc độ tăng  + So sánh quy mô giá trị giữa 2 ngành  - Về cơ cấu giá trị ngành thủy sản  \* Về sản lượng thủy sản (tương tự)  + Quy mô và tốc độ tăng cảu sản lượng thủy sản…  + Cơ cấu sản lượng thủy sản…  \* Mối quan hệ giữa giá trị và sản lượng ngành thủy sản là giá thành ngành thủy sản (dẫn chứng).  \* Kết luận: Ngành thủy sản phát triển mạnh, trong đó ngành nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh hơn. |
| ***b) Tại sao trong phát triển ngành thủy sản nước ta phải đẩy mạnh ngành nuôi trồng thủy sản và đánh bắt xa bờ?*** |
| \* Đẩy mạnh nuôi trồng vì:  + Chủ động được đối tượng nuôi, chủ động được thời điểm thu hoạch sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường tốt hơn. Việc đẩy mạnh nuôi trồng sẽ đảm bảo tốt hơn nguồn nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp chế biến ( nhất là chế biến để xuất khẩu).  + Các sản phẩm nuôi trồng có giá trị kinh tế cao và nhu cầu lớn trên thị trường. Nuôi các đối tượng đặc sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn.  + Có khả năng khắc phục được một số trở ngại của thiên nhiên… Là ngành phát triển muộn hơn đánh bắt thủy sản nên còn nhiều tiềm năng để mở rộng diện tích nuôi trồng.  + Việc phát triển nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa điều chỉnh đáng kể đối với sự phát triển ngành khai thác thủy sản.  \*. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ vì:  - Hiện trạng đánh bắt: chủ yếu đánh bắt ven bờ, sản lượng đánh bắt ven bờ vượt quá gấp đôi khả năng cho phép đã làm suy giảm nghiên trọng nguồn lợi ven bờ. Trong khi đó sản lượng đánh bắt xa bờ mới chỉ bằng 1/5 khả năng cho phép, tiềm năng còn rất lớn.  - Việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ đem lại hiệu quả cao và có ý nghĩa lớn: Góp phần khai thác có hiệu hiệu quả nguồn lợi hải sản xa bờ và bảo vệ nguồn lợi ven bờ; góp phần bảo vệ và giữ vững chủ quyền vùng biển, đảo, thềm lục địa của nước ta. |
| ***7.a) Tại sao nói việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển đảo có vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.*** |
| - Nước ta có nguồn tài nguyên biển giàu có và đa dạng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển (phân tích).  - Việc phát triển tổng hợp góp phần đảm bảo khai thác hợp lí, có hiệu quả đối với các nguồn tài nguyên quý giá này:  + Việc khai thác các tài nguyên biển có liên quan nhằm hỗ trợ nhau cùng phát triển (phân tích).  + Mang lại hiệu quả cao về kinh tế như góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển, tăng cường các mối quan hệ kinh tế quốc tế, đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế.  + Hiệu quả cao về xã hội (giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống).  - Khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và đảm bảo an ninh quốc phòng cho đất nước (phân tích).  - Góp phần chống ô nhiễm và suy thoái môi trường biển  + Các thành phần của môi trường biển có quan hệ chặt chẽ với nhau, chỉ một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến thay đổi dây chuyền và ảnh hưởng rõ rệt đến môi trường biển.  + Môi trường biển đảo rất nhạy cảm trước tác động của con người, nếu việc khai thác tổng hợp mà không được chú ý vấn đề bảo vệ môi trường có thể sẽ gây tác động tiêu cực lớn. |
| ***b) Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực NTB?*** |
| Phát triển và bảo vệ rừng ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ vì:  - Hiện trạng tự nhiên các tỉnh cực Nam Trung Bộ  + Khí hậu khô hạn, lượng mưa thấp nhất cả nước (dẫn chứng)  + Hiện tượng sa mạc hóa của khu vực đang có xu thế mở rộng (phân tích)  - Ý nghĩa của việc bảo vệ và phát triển rừng  + Giữ nước, tăng lượng nước ngầm, kiểm soát hiện tượng sa mạc hóa tốt hơn.  + Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống dân cư. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **NAM ĐỊNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **THÀNH LẬP ĐỘI TUYỂN DỰ THI HSG QUỐC GIA**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  **Môn: ĐỊA LÍ**  **Đề số: 02**  Thời gian làm bài: 180 phút. |

**Câu 1: (3,0 điểm)**

a.Phân tích mối quan hệ giữa độ muối và nhiệt độ của nước biển với nhiệt độ không khí.

b.Phân tích tác động chuyển động biểu kiến của Mặt Trời tới khí áp.

**Câu 2: (2,0 điểm)**

a.Tại sao các nước đang phát triển cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ?

b.Việc khai thác các nguồn lực bên ngoài có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển hiện nay?

**Câu 3: (3,0 điểm)**

a.Phân tích các nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta.

b.Phân tích tác động của thủy văn đối với quá trình hình thành đất ở nước ta. Tại sao ở nước ta quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu?

**Câu 4: (3,0 điểm)** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a.Phân tích đặc điểm khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

b.Chứng minh rằng sự phân hoá sông ngòi ở nước ta chịu tác động tổng hợp của địa hình và khí hậu.

**Câu 5: (3,0 điểm)**Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của vùng Đồng bằng sông Hồng

và đồng bằng sông Cửu Long năm 2015*(đơn vị %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vùng | Tỉ lệ thất nghiệp | Tỉ lệ thiếu việc làm |
| Đồng bằng sông Hồng | 2,42 | 1,6 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 2,77 | 3,05 |

*(Niên giám thống kê 2016, NXB Thống kê 2017)*

*a.*Nhận xét và giải thích về vấn đề việc làm của hai vùng kinh tế trên.

b) Giải thích tại sao ở nước ta nguồn lao động tăng với tỉ lệ cao hơn nhiều so với tỉ lệ tăng dân số? Phân tích những thách thức trong vấn đề dân số và lao động của nước ta hiện nay.

**Câu 6: (3,0 điểm)**

a.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích hiện trạng phát triển ngành du lịch của nước ta. Tại sao ngành du lịch nước ta có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây?

b.Tại sao đầu tư theo chiều sâu được coi là một hướng chủ yếu trong hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta?

**Câu 7: (3,0 điểm)**

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh vấn đề khai thác thủy điện giữa vùng Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.

b)Tại sao nước ta cần hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển? Tại sao việc phát triển các khu kinh tế ven biển cần hết sức chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển?

**-HẾT-**

|  |
| --- |
| **Yêu cầu** |
| ***1.a.Phân tích mối quan hệ của độ muối và nhiệt độ của nước biển với nhiệt độ không khí.*** |
| - Độ muối của nước biển với nhiệt độ không khí:  + Độ muối của nước biển thay đổi tùy thuộc vào tương quan giữa độ bốc hơi với lượng mưa và lượng nước sông từ các lục địa đổ ra biển.  + Độ bốc hơi phụ thuộc phụ thuộc chủ yếu vào nhiệt độ không khí, mà nhiệt độ không khí lại có sự thay đổi theo vĩ độ nên độ muối của nước biển cũng thay đổi theo vĩ độ (phân tích)  - Nhiệt độ nước biển với nhiệt độ không khí  + Nhiệt độ nước biển từ mặt xuống độ sâu 3000m phụ thuộc vào nhiệt độ không khí: càng xuống sâu ảnh hưởng của nhiệt độ không khí càng giảm dần nên nhiệt độ nước biển cũng giảm theo.  Dẫn chứng: Nếu ở mặt biển nhiệt độ không khí là 280C, thì xuống đến độ sâu 100m, nhiệt độ còn 150C, xuống 30m nhiệt độ còn 100C, đến đọ sâu 1000m nhiệt độ xuống 40C. Từ độ sâu hơn 3000m, nhiệt nước biển gần như không đổi vì không còn chịu tác động của nhiệt độ không khí nữa, nước biển ở mọi nơi đều là nước từ địa cực, nhất là từ Nam cực lắng xuống và trôi đến.  + Nhiệt độ nước biển chịu sự tác động của nhiệt độ không khí theo mùa trong năm. Mùa hạ, nhiệt độ nước biển cao hơn mùa đông.  + Nhiệt độ nước biển chịu sự tác động của nhiệt độ không khí theo vĩ độ. Nhiệt độ không khí giảm dần từ xích đạo về cực, tương ứng với nhiệt độ của nước biển cũng giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao |
| ***b) Phân tích tác động chuyển động biểu kiến của Mặt Trời tới khí áp*** |
| - Khái niệm chuyển động biểu kiến và chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.  - Chuyển động biểu kiến của Mặt Trời làm cho chế độ nhiệt thay theo mùa và theo vĩ độ do đó khí áp cũng thay đổi theo mùa và theo vĩ độ.  + Mặt Trời chuyển động biểu kiến ở bán cầu bắc:  .Vành đai áp thấp xích đạo không cố định xung quanh đường xích đạo mà có sự di chuyển lên phía Bắc, có khi gần chí tuyến bắc. Áp thấp hình thành và bành trướng trên gần khắp lục địa châu Á (áp thấp Iran).  .Đồng thời ở nam bán cầu, các áp cao chí tuyến phát triển rộng, trên các lục địa hình thành áp cao theo mùa như áp cao Đông Nam Ôxtrâylia.  + Mặt Trời chuyển động biểu kiến ở nam bán cầu:  .Vành đai áp thấp xích đạo dịch chuyển xuống phía Nam đường xích đạo. Lục địa Ôxtrâylia rất nóng hình thành áp thấp Ôxtrâylia.  .Đồng thời lúc này, nhiệt độ lục địa châu Á rất thấp, nhất là miền Đông Xibia hình thành áp cao Xibia. |
| ***2.a) Tại sao các nước đang phát triển cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ?*** |
| - Các nước đang phát triển là những nước nghèo, nông nghiệp chiếm vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm.  - Các nước này muốn có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và đảm bảo sự phát triển ổn định về kinh tế - xã hội, cần thiết phải có một hệ thống các ngành công nghiệp hiện đại và đa dạng. Để có được như vậy, cần phải chuyển sang một nền kinh tế về cơ bản dựa vào sản xuất công nghiệp, nghĩa là tiến hành quá trình công nghiệp hóa với sự gia tăng tỉ trọng của công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội và cơ cấu kinh tế; cùng với đó là sự biến động của ngành dịch vụ và tỉ trọng ngành nông nghiệp suy giảm trong cơ cấu.  - Các nhân tố tác động đến cơ cấu kinh tế luôn thay đổi, nên sự chuyển dịch là tất yếu, phù hợp với các quy luật vận động của tự nhiên, kinh tế - xã hội.  - Sự chuyển dịch phù hợp và gắn liền với xu thế chung của thế giới và khu vực. |
| 1. ***Việc khai thác các nguồn lực bên ngoài có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển hiện nay?*** |
| - Các nước đang phát triển có xuất phát điểm về kinh tế- xã hội thấp, tiến hành quá trình công nghiệp hóa muộn. Quá trình công nghiệp hóa gặp nhiều khó khăn về vốn, kĩ thuật, khoa học công nghệ, nguồn lao động kĩ thuật, thiếu kinh nghiệm quản lí, sức ép về việc làm của lực lượng lao động đông…  - Việc khai thác các nguồn lực bên ngoài như vốn, khoa học kĩ thuật, công nghệ, nguồn lao động chất lượng, kinh nghiệm quản lí, thị trường, nguồn nguyên, nhiên vật liệu….có ý quan trọng, tạo động lực cho sự phát triển KT-XH các nước đang phát triển, khắc phục những hạn chế để phát triển kinh tế trong nước…  + Giúp chuyển giao khoa học kĩ thuật công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực phát triển, tranh thủ đi tắt đón đầu các ngành kĩ thuật cao, tiên tiến của các nước phát triển, thúc đẩy quá trình hội nhập, tránh nguy cơ cơ tụt hậu…  + Giúp khai thác có hiệu quả những lợi thế so sánh trong nước, mở rộng thị trường, tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư… |
| ***3.a) Phân tích các nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta*** |
| Tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị suy giảm với biểu hiện xuất hiện sinh vật cận nhiệt và ôn đới do:  - Vị trí địa lí nằm gần chí tuyến ở phía bắc và gần xích đạo ở phía nam nên các loài xứ lạnh dễ dàng tràn xuống, cũng như các loài á xích đạo dễ dàng xâm nhập từ phía nam lên (phân tích).  - Địa hình  + Độ cao của hình: nước ta có 3/4diện tích là đồi núi, 15% diện tích lãnh thổ có độ cao trên 1000m, đồi núi phân bậc làm chế độ nhiệt, ẩm thay đổi theo độ cao kéo theo sự thay đổi khí hậu, đất theo độ cao, xuất hiện các vành đai sinh vật cận nhiệt và ôn đới trên núi (rõ nhất là vùng núi Tây Bắc);  + Hướng của địa hình vùng núi Đông Bắc với những cánh cung mở rộng về phía Bắc và Đông bắc tạo điều kiện thuận lợi cho việc đón các luồng không khí lạnh từ phương Bắc xâm nhập mạnh, làm vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta-> phát triển sinh vật cận nhiệt và ôn đới.  - Khí hậu: do tác động của gió mùa đông bắc làm cho miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh, với 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18oC làm xuất hiện sinh vật cận nhiệt đới và ôn đới.Vùng đồng bằng Bắc Bộ có thể trồng cây có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới vào mùa đông.  - Con người: việc khác rừng quá mức làm mất dần tính ưu thế ổn định của hệ sinh thái nhiệt đới, lai tạo hoặc bỏ đi những giống cây trồng vật nuôi bản địa làm suy giảm dần nhiều loài sinh vật nhiệt đới. |
| ***b.Phân tích tác động của thủy văn đối với quá trình hình thành đất ở nước ta. Tại sao quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta?*** |
| - Tác động của thủy văn đối với quá trình hình thành đất chủ yếu thông qua tác động của nước chảy, nước ngầm và nước đọng.  + Mạng lưới sông ngòi nước ta với đặc điểm dày đặc, khi chảy qua miền đối núi bị xâm thực mạnh đã mang theo nhiều vật liệu bồi đắp nên các đồng bằng đất phù sa vùng hạ lưu (dẫn chứng). Nước chảy cũng xói mòn mạnh mẽ đất đai, nếu không có lớp phủ thực vật bảo vệ.  + Dòng nước ngầm khi ngấm xuống sâu, rửa trôi các chất dinh dưỡng về lâu dài làm cho đất bị bạc màu. Nơi nước ngầm chứa nhiều ôxít Fe, khi chúng trồi lên mặt tạo thành lớp đá ong dày. Vùng ven biển, ảnh hưởng của nước biển mặn, nước ngầm mặn hình thành các loại đất phèn, đất mặn.  + Nước đọng (những nơi địa hình trũng, đóng kín) quyết định mức độ glây và quá trình lầy thụt, tại đó hình thành đất glây, lầy thụt.  - Giải thích  + Quá trình hình thành đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là quá trình feralit. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nên đây là quá trình hình thành đất chủ yếu.  + Quá trình feralit diễn ra mạnh mẽ ở vùng đồi núi thấp, thềm phù sa cổ và ở cả các vùng đồng bằng. Nước ta có địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế nên feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu. |
| ***4.a) Phân tích đặc điểm khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ*** |
| - Kiểu khí hậu đặc trưng là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh do là vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc với các cánh cung hút gió ở vùng núi Đông Bắc. Khí hậu có sự phân hoá thành hai vùng khí hậu (dẫn chứng).  - Chế độ nhiệt:  + Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất cả nước (phổ biến ở mức từ 20-240C, vùng núi cao 18-200C). Biên độ nhiệt năm lớn dao động từ 10-130C.  + Chế độ nhiệt có sự phân hoá theo chiều Bắc Nam (dẫn chứng)  - Chế độ mưa:  + Lượng mưa phổ biến ở mức 1600-2000mm/năm, nhiều nơi trên 2800mm/năm. Phân hoá rõ rệt theo không gian và thời gian.  + Phân hóa theo không gian với các trung tâm mưa nhiều, mưa ít khác nhau, chủ yếu do ảnh hưởng của địa hình (dẫn chứng).  + Phân hoá theo mùa: Mưa nhiều vào mùa hạ, lượng mưa chiếm 80% lượng mưa cả năm, nhiều nhất vào tháng 8. Mưa ít vào mùa đông, lượng mưa dưới 400mm.  - Chế độ gió:  + Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc có tính chất lạnh khô đầu mùa và lạnh ẩm cuối mùa. Gió mùa đông bắc còn gây các kiểu thời tiết cực đoan cho miền như rét đạm, rét hại, sương muối, sương giá.  + Mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ có hướng Tây Nam với tính chất nóng ẩm. Ngoài ra vùng Tây Bắc còn chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam vào đầu mùa hạ. |
| ***b) Chứng minh rằng sự phân hoá sông ngòi nước ta chịu tác động của địa hình và khí hậu*** |
| - Khí hậu đặc biệt là chế độ mưa có sự phân hóa dẫn đến sự phân hóa chế độ mưa  + Chế độ mưa có sự phân hóa theo không gian, hình thành những trung tâm mưa nhiều, mưa ít đã chi phối lưu lượng nước của sông ngòi (dẫn chứng).  + Chế độ mưa theo mùa đã chi phối thủy chế của chế độ sông ngòi (dẫn chứng).  - Đặc điểm hình thái của địa hình đã chi phối đặc điểm hình thái của sông ngòi.  + Hướng của địa hình chi phối hướng của dòng chảy (dẫn chứng).  + Độ dốc của địa hình đã chi phối tốc độ dòng chảy. Sự tương phản giữa địa hình đồi núi và đồng bằng quy định sự thay đổi đột ngột dòng chảy từ thượng lưu xuống hạ lưu (dẫn chứng). |
| ***5.a. Nhận xét và giải thích bảng số liệu*** |
| \* Nhận xét  - Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở Đồng bằng sông Hồng đều thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long (dẫn chứng).  - Chênh lệch giữa 2 vùng về tỉ lệ thất nghiệp không đáng kể, còn về tỉ lệ thiếu việc làm rất lớn.  \* Giải thích  - Đồng bằng sông Hồng  + Kinh tế phát triển hơn, cơ cấu kinh tế tiến bộ hơn, cơ cấu ngành đa dạng hơn với nhiều trung tâm công nghiệp hơn hẳn cả về số lượng và quy mô, hoạt động dịch vụ đa dạng, phát triển mạnh (dẫn chứng)… nên khả năng tạo việc làm lớn, giảm tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt khu vực thành thị.  + Khu vực kinh tế nông thôn ở đang có sự chuyển dịch tích cực theo hướng đa dạng hóa cơ cấu ngành kinh tế, ảnh hưởng của thiên tai không lớn tới sản xuất nông nghiệp… tỷ lệ thiếu việc làm thấp hơn.  - Đồng bằng sông Cửu Long  + Hoạt động công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh -> tỉ lệ thất nghiệp còn cao.  + Trong sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai như ngập lụt, hạn hán; hơn nữa cơ cấu kinh tế nông thôn chưa đa dạng hóa, ít các ngành nghề thủ công truyền thống hơn -> tỷ lệ thiếu việc làm cao hơn. |
| ***b) Giải thích tại sao ở nước ta nguồn lao động tăng với tỉ lệ cao hơn nhiều so với tỉ lệ tăng dân số? Phân tích những thách thức trong vấn đề dân số và lao động nước ta hiện nay.*** |
| - Nguồn lao động nước ta tăng nhanh hơn dân số vì:  + Tỉ lệ gia tăng dân số nước ta có xu hướng giảm (dẫn chứng).  + Tỉ lệ tăng nguồn lao động phụ thuộc vào tỉ lệ tăng dân số thời kì trước đó (phân tích).  - Những thách thức trong vấn đề dân số và lao động nước ta  + Quy mô dân số lớn, dân số lao động trong độ tuổi tăng nhanh tạo áp lực lớn về vấn đề việc làm.  + Tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm nhưng vẫn còn khá cao nên gây nhiều sức ép với sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.  + Phân bố dân cư chưa hợp lí đã dẫn đến việc sử dụng nguồn lao động và tài nguyên giữa các vùng miền chưa hiệu quả.  + Mất cân đối giới tính khi sinh, chất lượng lao động chưa cao nên khó khăn trong vấn đề tìm kiến việc làm… |
| ***6.a). Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích hiện trạng phát triển ngành du lịch của nước ta. Tại sao ngành du lịch nước ta có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây?*** |
| \* Hiện trạng phát triển ngành du lịch nước ta:  Từ năm 1995 đến năm 2007, số lượt khách du lịch và doanh thu du lịch nước ta tăng nhanh.  - Về khách du lịch (phân tích).  - Về doanh thu du lịch (phân tích).  - Về mức chi tiêu bình quân/khách du lịch…  - Trên phạm vi cả nước đã hình thành nhiều điểm du lịch, các trung tâm du lịch quốc gia và trung tâm du lịch vùng (dẫn chứng).  \* Giải thích ngành du lịch phát triển mạnh trong những năm gần đây  - Do chính sách đổi mới của Nhà nước: chính sách mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, tạo điều kiện quảng bá hình ảnh VN trên trường quốc tế; chính sách đầu tư, phát triển du lịch: thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển du lịch, xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú, đào tạo nguồn nhân lực…  - Chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao -> nhu cầu du lịch ngày càng lớn…  - Tiềm năng du lịch to lớn, được khám phá và đưa vào khai thác. Vấn đề an ninh chính trị ổn định, môi trường hòa bình...; |
| ***b) Tại sao đầu tư theo chiều sâu được coi là một hướng chủ yếu trong hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?*** |
| - Đầu tư theo chiều sâu trong công nghiệp là đầu tư về vốn, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, sử dụng lao động kĩ thuật cao…  - Hiện trạng và điều kiện phát triển công nghiệp nước ta: theo chiều rộng, tốc độ tăng trưởng chậm; cơ cấu ngành đơn điệu, thiếu các ngành có hàm lượng kĩ thuật cao…; Nhiều điều kiện phát triển công nghiệp… nhưng chưa khai thác hết tiềm năng…  - Ý nghĩa của việc đầu tư theo chiều sâu  + Đẩy mạnh phát triển các ngành có hàm lượng kĩ thuật cao, đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp..  + Khai thác có hiệu quả tiềm lực, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh…; Thúc đẩy công nghiệp phát triển mạnh, ổn định, đảm bảo tốt các vấn đề về xã hội, môi trường… -> ổn định cơ cấu ngành. |
| ***7.a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh vấn đề khai thác thủy điện giữa vùng Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.*** |
| * Giống nhau:   + Đều có trữ năng thủy điện lớn, đã và đang xây dựng nhiều nhà máy thủy điện lớn, nhỏ để khai thác thế mạnh của vùng.  + Thủy điện đều có ý nghĩa nhiều mặt về cung cấp điện năng, thủy lợi, thủy sản, du lịch và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trong vùng…   * Khác nhau   + Về tiềm năng: Trung du miền núi Bắc Bộ có tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước (tập trung chủ yếu sông Hồng, chiến 1/3 trữ năng thủy điện cả nước), Tây Nguyên có trữ lượng nhỏ hơn.  + Về hiện trạng: Trung du miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thủy điện lớn (dẫn chứng), còn Tây Nguyên cũng có nhiều nhà máy thủy điện nhưng công suất nhỏ hơn, được xây dựng thành các bậc thang thủy điện (dẫn chứng).  + Về ý nghĩa của các nhà máy thủy điện:   * Các nhà máy thủy điện của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa chiến lược trong giải quyết năng lượng của cả nước; điều tiết nước cho đồng bằng sông Hồng. * Các nhà máy thủy điện của Tây Nguyên chủ yếu phục vụ nhu cầu trong vùng, giải quyết nước tưới vào mùa khô cho Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| ***b) Tại sao nước ta cần hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển? Tại sao việc phát triển các khu kinh tế ven biển cần hết sức chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển?*** |
| - Cần hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển vì:  + Tạo điều kiện thúc đẩy nước ta phát triển nền kinh tế mở; phát huy lợi thế về vị trí địa lí nước ta,khai thác tối đa nguồn lực bên ngoài…  + Hình thành các khu kinh tế cửa khẩu thúc đẩy việc giao thương của nước ta với các nước láng giềng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị, phát triển…  + Hình thành các khu kinh tế ven biển phát huy lợi thế giáp biển. Tạo cơ sở cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển, thực hiện chiến lược kinh tế hướng ra biển và đại dương.  + Góp phần khẳng định chủ quyền biên giới, vùng biển, thềm lục địa, đảo và quần đảo nước ta.  - Việc phát triển các khu kinh tế ven biển cần hết sức chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển vì:  + Các hoạt động của các khu kinh tế ven biển nếu không được kiểm soát tốt dễ gây ô nhiễm vùng biển;  + Gây hậu quả lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng biển (tàn phá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của sinh vật biển, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; hoạt động du lịch biển; kế sinh nhai của người dân vùng ven biển). |